



PETROMIENTRUNG

Công ty cổ phần đầu tư & Sản xuất

PETRO MIỀN TRUNG

[📍] Địa chỉ: Lô 4 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc,
Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

[☎] Điện thoại: +84-235.394.7233

[🌐] Website: www.petrocenter.com.vn

Công ty cổ phần đầu tư & Sản xuất
PETRO MIỀN TRUNG



GAS
MIỀN TRUNG



RA ĐỜI
ĐỂ PHỤC VỤ



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN | 2024**



MỤC LỤC



I. THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu chung	4
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi	8
Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty	10
Quá trình hình thành và phát triển	12

II. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Chỉ số phát triển bền vững 2024	16
Cơ cấu quản trị	18
Các công ty con và đơn vị trực thuộc	20
Hệ thống cầu cảng	24
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	26
Hoạt động quan hệ nhà đầu tư	28
Giới thiệu HĐQT, BKS và Ban điều hành	30
Triển vọng kinh tế và thị trường dầu khí	38
Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2025 - 2030	40
Gắn kết các bên liên quan trong chiến lược hoạt động	42
Quản trị rủi ro	46
Nguồn nhân lực	54



III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Báo cáo của Hội Đồng Quản trị	56
Báo cáo và đánh giá của Ban Kiểm soát	59
Báo cáo và đánh giá của Ban TGD	60



IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất	67
--	----



GIỚI THIỆU CHUNG

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT
PETRO MIỀN TRUNG**

Tên tiếng Anh : **PETRO CENTER CORPORATION**

Tên viết tắt : **PETRO MIEN TRUNG CO., JSC**

Mã cổ phiếu : **PMG**

Sàn niêm yết : **Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
(HOSE)**

Logo :



PETROMIENTRUNG

Slogan : **Gas Miền Trung – Ra đời để phục vụ**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000462724 do Sở
Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007
Thay đổi lần thứ 21, ngày 26/09/2024

Vốn điều lệ **463.362.780.000 đồng**

Vốn đầu tư **668.811.932.489 đồng**
của chủ sở hữu **(theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024)**

Địa chỉ **Lô 4 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện
Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam**

Số điện thoại **+84-235.394.7233**

Website **www.petrocenter.com.vn**



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của PETRO MIỀN TRUNG theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



**BÁN BUÔN NHIÊN LIỆU
RẮN, LỎNG, KHÍ VÀ CÁC
SẢN PHẨM LIÊN QUAN**



**SẢN XUẤT THÙNG, BỂ
CHỨA VÀ DỤNG CỤ CHỨA
ĐỰNG BẰNG KIM LOẠI**



**VẬN TẢI HÀNG HÓA
BẰNG ĐƯỜNG BỘ**



**NHÀ HÀNG VÀ CÁC
DỊCH VỤ ĂN UỐNG PHỤC
VỤ LƯU ĐỘNG**



**SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ
PLASTIC**



**CHẾ BIẾN, BẢO QUẢN
THỦY SẢN VÀ CÁC SẢN
 PHẨM TỪ THỦY SẢN**



**VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
ĐƯỜNG BỘ KHÁC**



**DỊCH VỤ LƯU TRỮ
NGẮN NGÀY**



**HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI
GIẢI TRÍ KHÁC CHƯA
ĐƯỢC PHÂN VÀO Đâu**



BÁN BUÔN ĐỒ UỐNG



**BÁN BUÔN KIM LOẠI
VÀ QUẶNG KIM LOẠI**



**ĐẠI LÝ, MÔI GIỚI,
ĐẤU GIÁ**



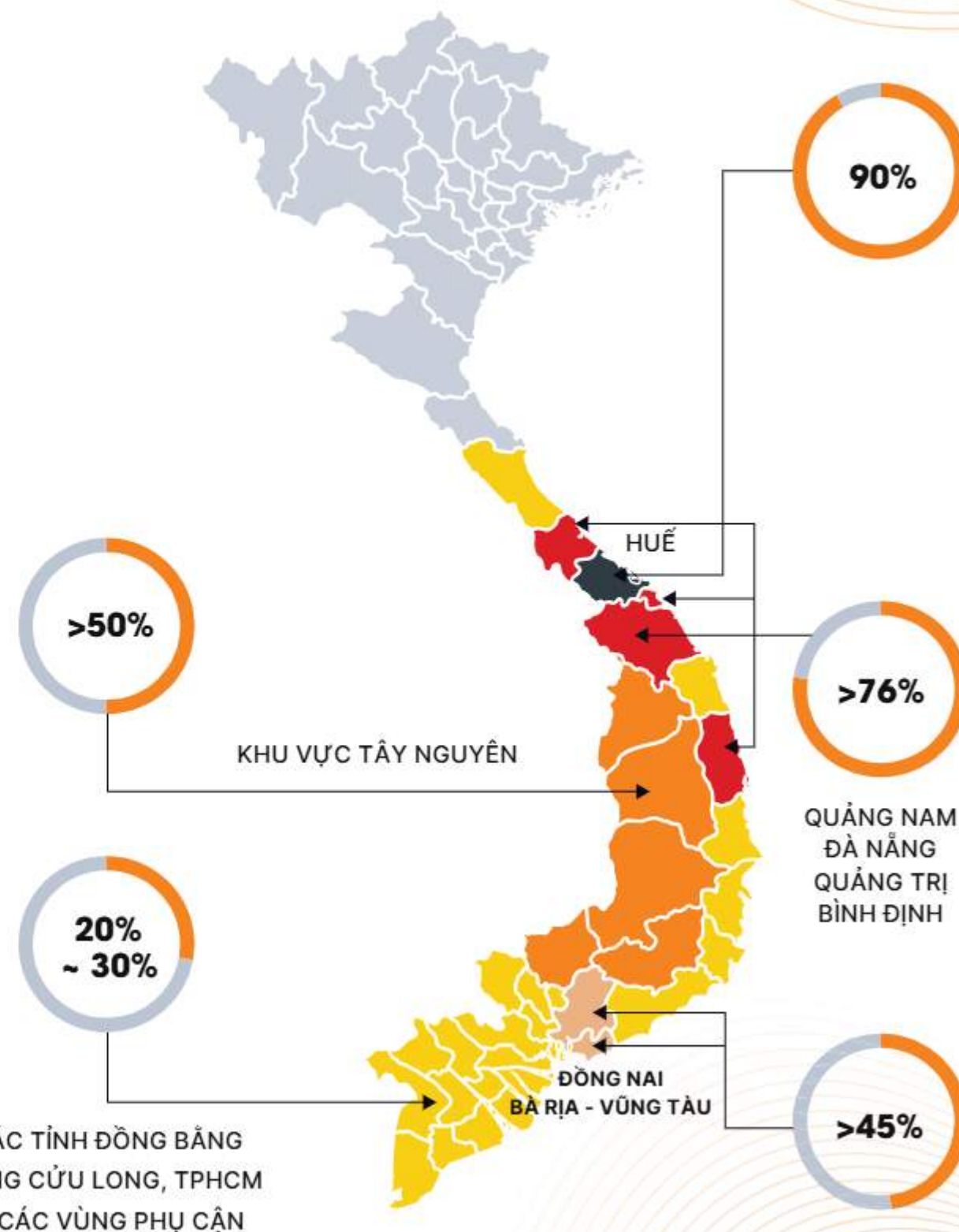
**CHO THUÊ MÁY MÓC,
THIẾT BỊ VÀ ĐỒ DÙNG
HỮU HÌNH KHÁC**



**BÁN BUÔN ĐỒ DÙNG
KHÁC CHO GIA ĐÌNH**

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Bản đồ khu vực kinh doanh của PETRO MIỀN TRUNG



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN



Trở thành doanh nghiệp
kinh doanh khí hóa lỏng
(LPG, CNG, LNG)
dẫn đầu tại thị trường Việt Nam
và khu vực Đông Nam Á



GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Khách hàng là trọng tâm trong
mọi suy nghĩ và hành động



Sản phẩm dịch vụ tốt nhất,
giá thành cạnh tranh nhất



Hệ thống dây chuyền công nghệ
vận hành an toàn và hiện đại
hàng đầu khu vực



SỨ MỆNH

Trở thành nhà cung cấp khí
hóa lỏng được lựa chọn và đáng tin
cậy nhất của khách hàng nhờ khả năng
cung cấp đầy đủ và liên tục các sản phẩm -
dịch vụ có chất lượng và giá thành tốt nhất dựa
trên cơ sở luôn coi khách hàng làm trọng tâm.
Tạo dựng cho cán bộ nhân viên một môi trường
làm việc tốt nhất với nhiều cơ hội để phát triển
năng lực, đóng góp giá trị và tạo dựng sự
nghiệp thành đạt. Đóng góp tích cực cho
sự phát triển kinh tế - xã hội
Việt Nam.

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHÍNH CỦA CÔNG TY



Hoạt động của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung là phân phối bình Gas (bình chứa gas loại 12 kg và loại 45 kg) bao gồm nhập khẩu khí hóa lỏng LPG tồn trữ và chiết nạp khí hóa lỏng, sản xuất vỏ bình gas và là đầu mối cung cấp Gas cho thị trường khu vực Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên.

1. NHẬP KHẨU KHÍ GAS TỪ CÁC NHÀ CUNG CẤP TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Công ty có 02 cầu cảng xuất nhập khẩu LPG tại cảng Đồng Nai và cảng Chu Lai trong khu kinh tế mở Chu Lai, có thể đón tàu tải trọng từ 05 đến 20.000 tấn.

3. SƠN SỬA VỎ BÌNH GAS KHỐI LƯỢNG 12 KG VÀ 45 KG

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và lượng khí dự kiến tiêu thụ, Công ty tiến hành sơn sửa vỏ bình gas loại 12 kg và loại 45 kg.

5. PHÂN PHỐI GAS ĐẾN NGƯỜI TIÊU DÙNG

Sau khi được sản xuất, các sản phẩm của Công ty (bình chứa gas loại 12 kg và loại 45 kg) sẽ được cấp cho đại lý lớn và bán lẻ đến từng hộ gia đình, cá nhân trong vùng. Công ty đã xây dựng cho mình một số khách hàng truyền thống lớn trong vùng qua thời gian hoạt động. Công ty tham gia chiết nạp khí gas và chuyên cung cấp gas cho các hộ gia đình tư nhân và một số doanh nghiệp lớn như Công ty cổ phần Đồng Tâm Miền Trung, Công ty TNHH Trung Hiếu, THACO Trường Hải, CTCP kinh doanh dầu khí Quảng Bình, Công ty TNHH TM DV Dầu Khí Sài Gòn Hưng Thịnh, CTCP Dầu Khí Hậu Giang, CTCP Petro Lâm Sơn, Công ty TNHH DV Gas Hạnh Nguyên, CTCP Gas Đại Sự, Công ty TNHH Tân Nhà Việt, Công Ty TNHH Thương Mại Đức Gas... thị phần cung cấp Miền Trung chiếm 70% doanh thu bán hàng hóa của Công ty với 03 nhãn hiệu sản phẩm là V – Gas, PM Gas và Picnic – Vip.

2. TRỮ KHÍ VÀO CÁC TỔNG KHO CỦA CÔNG TY TẠI CÁC VÙNG MIỀN TRUNG

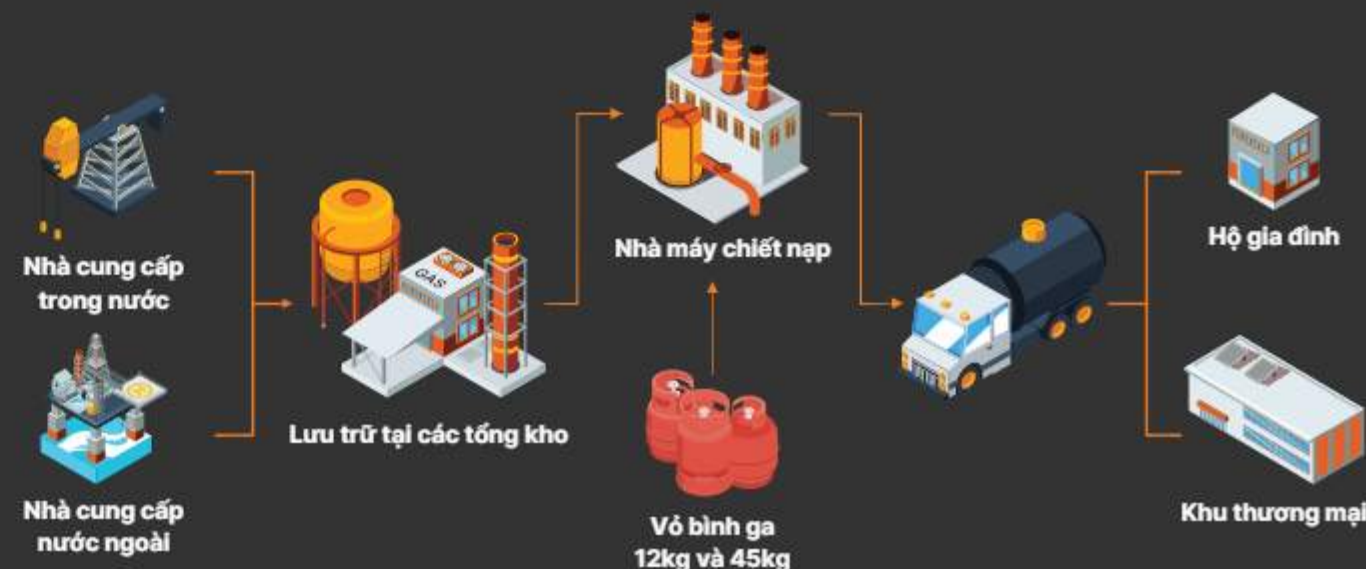
Khí sau khi được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài cũng được nhập khẩu nội địa trong nước sẽ được lưu trữ vào các tổng kho của Công ty

4. CHIẾT NẠP KHÍ GAS VÀO BÌNH

Khí gas sẽ được chiết vào 02 loại bình đã được sản xuất ở bước 3 để phân phối đến người tiêu dùng. Trong công đoạn này vấn đề an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được Công ty đặc biệt quan tâm.



Đồng thời, Công ty tiến hành sơn sửa vỏ bình gas để chủ động trong quá trình chiết gas, cung cấp cho đại lý và phân phối đến người tiêu dùng trong khu vực



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2019

Doanh thu của Công ty vượt mốc 1.200 tỷ đồng. Đưa vào khai thác và vận hành cầu cảng gắn liền tổng kho tồn trữ tại cảng Chu Lai.

2020

Năm 2020: Trở thành đối tác với TOKAI CORPORATION, Nhật Bản để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi.

2021

Tập đoàn năng lượng hàng đầu Nhật Bản - Lemon Gas Co., Ltd chính thức trở thành cổ đông chiến lược của PMG. Với tiềm lực tài chính vững mạnh, công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm trong quản lý vận hành của cổ đông chiến lược, Công ty hướng đến sự phát triển mạnh mẽ và bền vững trong dài hạn.

2024

Công ty đã nỗ lực vượt qua khó khăn, khắc phục tình trạng cổ phiếu bị kiểm soát và chính thức ghi nhận lãi sau ba năm khó khăn do ảnh hưởng từ những biến động của tình hình vĩ mô.

2007

Ngày 09/05/2007 Thành lập CTCP đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung

2014

Tháng 10/2014 Đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần đầu khí V-Gas tại Đồng Nai từng bước khẳng định thương hiệu.

2016

Phát triển thương hiệu PM Gas, Picnic Gas, V-gas và tiến hành đầu tư vỏ bình thương hiệu Pmgas với số lượng 1.200.000 vỏ. Mở rộng thị trường ra khắp khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền Nam.

2017

Trở thành Công ty đại chúng theo giấy chứng nhận số 8446/UB CK-GSĐC ngày 19/12/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

2018

Ngày 25/01/2018 chính thức giao dịch trên sàn HOSE với mã chứng khoán: PMG. Đánh dấu bước chuyển mình quan trọng, khẳng định tên tuổi và vị thế của Petro Miền Trung trên toàn quốc và trong khu vực.

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên,

Hành trình đi đến thành công luôn đầy thử thách và gian nan. Tuy nhiên, bằng sự quyết tâm mạnh mẽ của toàn thể tập thể, tầm nhìn chiến lược của Ban lãnh đạo, cùng với khát vọng vươn lên của mỗi cá nhân trong công ty, chúng ta đã và đang vượt qua mọi trở ngại. Chính nhờ sự đồng lòng và nỗ lực không ngừng, PMG tự hào ghi tên mình vào bản đồ ngành dầu khí, khẳng định vị thế vững chắc trong thị trường nội địa.

Kể từ khi thành lập, PMG đã không ngừng nỗ lực để vươn lên trong một ngành công nghiệp đầy biến động. Từ những khó khăn trong môi trường vĩ mô đến những thách thức trong việc duy trì hoạt động ổn định, chúng ta luôn giữ vững niềm tin, kiên trì sáng tạo và đổi mới để đạt được thành công. Những nỗ lực ấy không chỉ mang lại kết quả đáng ghi nhận trong hoạt động kinh doanh mà còn tạo dựng một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Một bước tiến quan trọng trong hành trình phục hồi của PMG là việc ghi nhận lãi trong năm 2024. Kết quả này không chỉ phản ánh sự cải thiện mạnh mẽ trong tình hình tài chính của công ty mà còn là yếu tố quan trọng giúp chúng ta khắc phục tình trạng cổ phiếu bị kiểm soát trước đó. Thành công này là minh chứng rõ ràng cho sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên, cùng với chiến lược đúng đắn của Ban lãnh đạo trong việc vượt qua các thách thức lớn và cải thiện hiệu quả hoạt động.

Bước sang năm 2025, mặc dù tình hình kinh tế toàn cầu vẫn đối mặt với nhiều thử thách, PMG tiếp tục đặt ra những mục tiêu đầy tham vọng. Chúng ta sẽ không chỉ tập trung vào việc tối ưu hóa hiệu quả hoạt động mà còn nỗ lực phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Đồng thời, PMG cam kết duy trì sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và nâng cao an toàn lao động, đảm bảo mỗi hoạt động của chúng ta đều có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Để đạt được mục tiêu này, tôi tin tưởng rằng, không chỉ Ban lãnh đạo mà mỗi cán bộ nhân viên đều có vai trò quan trọng. Chúng ta cần đoàn kết, sáng tạo và cống hiến hết mình để xây dựng PMG trở thành một thương hiệu mạnh mẽ, được công nhận rộng rãi và mang lại giá trị lâu dài cho tất cả các bên liên quan.

Chúng tôi sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh, kiên định với chiến lược phát triển bền vững và hiệu quả trong mọi hoạt động, đồng thời quản lý rủi ro một cách chủ động và tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn cao nhất. Các thử thách và biến động có thể kéo dài, nhưng chúng tôi tin tưởng vào khả năng thích ứng và phát triển của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin nhiệm, ủng hộ của Quý cổ đông và sự hợp tác của Quý khách hàng, đối tác. Đặc biệt, xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến toàn thể cán bộ công nhân viên, những người đã đồng hành, cống hiến và góp phần quan trọng trong việc xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển của PMG trong năm qua.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN TIẾN LĂNG



“

BAN LÃNH ĐẠO PETRO MIỀN TRUNG TIẾP TỤC DUY TRÌ SỰ BỀN BỈ VÀ KIÊN TRÌ ĐƯƠNG ĐẦU VỚI KHÓ KHĂN ĐẾN TỪ MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI ĐỂ TẠO HIỆU ỨNG ĐỘT PHÁ TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG CÁC NĂM TỚI

”

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2024



CƠ CẤU QUẢN TRỊ



CÁC CÔNG TY CON VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

CÁC CÔNG TY CON



**Công ty CP
Dầu khí V-Gas**

Địa chỉ
Số 1A/8, đường Châu Văn Lồng, Khu phố Long Diêm,
Phường Long Bình Tân, Tỉnh Đồng Nai

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số
3603202837

Vốn điều lệ
225 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn
51%

Ngành nghề kinh doanh chính
Kinh doanh khí hóa lỏng



**Công ty CP
Gas Miền Trung**

Địa chỉ
Lô 6 KCN Điện nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc - TX
Điện Bàn, Quảng Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số
4000354775

Vốn điều lệ
327 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn
51%

Ngành nghề kinh doanh chính
Kinh doanh khí hóa lỏng



**Công ty TNHH
Trung Nam**

Địa chỉ
8G Khu Phố II, Phường Hiệp Thành, Quận 12,
Thành phố Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số
0302137561

Vốn điều lệ
15 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn
65%

Ngành nghề kinh doanh chính
Kinh doanh khí hóa lỏng



**Công ty TNHH MTV
Gas Quảng Trị**

Địa chỉ
KCN Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành phố Đông
Hà, Quảng Trị

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số
3200711969

Vốn điều lệ
10 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn
51%

Ngành nghề kinh doanh chính
Kinh doanh khí hóa lỏng

CÁC TỔNG KHO, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1. TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP
TẠI LÔ 4 KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC



2. TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP
TẠI LÔ 6 KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC



3. TỔNG KHO TỒN TRỮ, CẢNG XUẤT NHẬP
KHẨU GAS CÙNG NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI
KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI



CÁC CÔNG TY CON VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

4. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY
CHIẾT NẠP TẠI HUẾ



5. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY
CHIẾT NẠP TẠI LÂM ĐỒNG



6. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY
CHIẾT NẠP TẠI BÌNH ĐỊNH



9. CẢNG XUẤT, NHẬP LPG, TỔNG KHO
VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI ĐỒNG NAI



8. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY
CHIẾT NẠP TẠI QUẢNG TRỊ



7. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY
CHIẾT NẠP TẠI VŨNG TÀU



10. NHÀ MÁY SẢN XUẤT VỎ BÌNH GAS
KCN PHÚ MỸ - BÀ RỊA VŨNG TÀU



**CÁC
TỔNG
KHO,
ĐƠN VỊ
TRỰC
THUỘC**

HỆ THỐNG CẦU CẢNG

Petro Miền Trung đã sở hữu và vận hành 02 cầu cảng lớn tại Cảng Chu Lai – Quảng Nam và Cảng Biên Hòa – Đồng Nai gắn liền với các tổng kho có thể đón tàu tải trọng từ 5.000 tấn đến 20.000 tấn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyên chở các tàu vận tải cỡ lớn, góp phần giảm chi phí vận chuyển, hạ giá thành nguyên liệu đầu vào.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tổng số lượng cổ phần	:	46.336.278 cổ phần
Trong đó		
Số lượng cổ phần phổ thông	:	46.336.278 cổ phần
Số lượng cổ phần ưu đãi	:	0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 31/03/2025 ĐỂ HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2025

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	0	0	0	0	0
Trong nước	0	0	0	0	0
Nước ngoài	0	0	0	0	0
Cổ đông lớn	34.752.544	75,00	3	1	2
Trong nước	25.485.474	55,00	2	0	2
Nước ngoài	9.267.070	20,00	1	1	0
Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
Trong nước	0	0	0	0	0
Nước ngoài	0	0	0	0	0
Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0	0
Cổ đông khác	11.583.734	25,00	579	10	569
Trong nước	11.506.233	24.83%	567	4	563
Nước ngoài	77.501	0,17%	12	6	6
TỔNG CỘNG	46.336.278	100,00	582	11	571
Trong nước	36.991.707	79,83%	569	4	565
Nước ngoài	9.344.571	20.17%	13	7	6

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 31/03/2025

ĐỐI TƯỢNG



Cổ đông lớn: 75%
Cổ đông khác: 25%

CỔ ĐÔNG KHÁC



Trong nước: 24,83%
Nước ngoài: 0,17%

CỔ ĐÔNG LỚN



Trong nước: 55%
Nước ngoài: 20%

TỔNG CỘNG



Trong nước: 79,83%
Nước ngoài: 20.17%

CÔNG TY KHÔNG THỰC HIỆN TRẢ CỔ TỨC NĂM 2024

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: KHÔNG CÓ

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN: KHÔNG CÓ



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

PMG cam kết duy trì sự minh bạch và công bằng trong việc công bố thông tin, luôn đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và đúng hạn cho các nhà đầu tư, tuân thủ mọi quy định pháp lý về công bố thông tin. Chúng tôi bảo vệ quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư thông qua việc công khai thông tin kịp thời và rõ ràng, đảm bảo mọi bên liên quan có thể tiếp cận thông tin một cách công bằng. Tất cả thông tin công bố sẽ được cập nhật đầy đủ tại mục Quan hệ Cổ đông trên website chính thức của Công ty.



Nền kinh tế Việt Nam hiện đang thu hút sự quan tâm mạnh mẽ từ các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Vì vậy, công tác Quan hệ Cổ đông (IR) luôn được các doanh nghiệp Việt Nam chú trọng, tạo ra môi trường thuận lợi cho việc trao đổi thông tin minh bạch, công khai và bảo đảm cơ hội đầu tư công bằng cho tất cả các nhà đầu tư.

Nằm bắt xu hướng hiện nay, PMG luôn chú trọng việc cập nhật và tuân thủ các quy định pháp luật mới nhất, đồng thời cải tiến liên tục các quy trình và chính sách để thích ứng với sự thay đổi của thị trường. Công ty cũng đang xây dựng các chiến lược và kế hoạch cho năm 2025, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông và tối ưu hóa sự phát triển của Công ty. Những nỗ lực này sẽ giúp PMG củng cố niềm tin của cổ đông, đối tác và nhà đầu tư, xây dựng một tương lai thịnh vượng và vững mạnh.

LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGĐ

Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của Petro Miền Trung. Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế, áp dụng theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGĐ

2.994.438.461

Đồng





GIỚI THIỆU

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN TIẾN LÃNG

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1968

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành quản trị
kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Gas Miền Trung

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

16.217.932 cổ phần,
chiếm **35%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

16.217.932 cổ phần,
chiếm **35%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành du lịch

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

9.267.542 cổ phần,
chiếm **20%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

9.267.542 cổ phần,
chiếm **20%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



ÔNG LÊ TẤN CẦN

Chức vụ: Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh: 1956

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Kỹ thuật công nghệ

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

0 cổ phần,
chiếm **0%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

0 cổ phần,
chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



ÔNG TOSHIO TATSUNO

Chức vụ: Thành viên HĐQT
(Từ nhiệm từ ngày 18/11/2024)

Năm sinh: 1954

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành Giáo dục học

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gas
Miền Trung

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

9.267.070 cổ phần,
chiếm **20%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

0 cổ phần

Được ủy quyền đại diện:

9.267.070 cổ phần,
chiếm **20,00%** vốn điều lệ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

 BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Năm sinh: 1977 Quốc tịch: Việt Nam	 BÀ VÔ THỊ ÁNH NGUYỆT Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Năm sinh: 1981 Quốc tịch: Việt Nam	 ÔNG NGUYỄN VĂN TRUNG Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Năm sinh: 1970 Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành du lịch Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không Hành vi vi phạm pháp luật: Không Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 9.267.542 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ Trong đó Sở hữu cá nhân: 9.267.542 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần	Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không Hành vi vi phạm pháp luật: Không Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 140.415 cổ phần, chiếm 0,3% vốn điều lệ Trong đó Sở hữu cá nhân: 140.415 cổ phần, chiếm 0,3% vốn điều lệ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần	Trình độ chuyên môn: Quản lý nguồn nhân lực Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm PTGD CTCP Gas Miền Trung Hành vi vi phạm pháp luật: Không Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Trong đó Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

 BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG BÍCH Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát Năm sinh: 1990 Quốc tịch: Việt Nam	 BÀ LÊ THỊ HỒNG TRANG Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát Năm sinh: 1985 Quốc tịch: Việt Nam	 BÀ TRẦN THỊ QUYÊN Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát Năm sinh: 1985 Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không Hành vi vi phạm pháp luật: Không Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 168 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Trong đó Sở hữu cá nhân: 168 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần	Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành kế toán Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không Hành vi vi phạm pháp luật: Không Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 28.083 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ Trong đó Sở hữu cá nhân: 28.083 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần	Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không Hành vi vi phạm pháp luật: Không Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 28.083 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ Trong đó Sở hữu cá nhân: 28.083 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần

KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÀ NGUYỄN THỊ LINH THƯỜNG

Chức vụ: Kế toán trưởng
Năm sinh: 1979
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Không
Hành vi vi phạm pháp luật:
Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:
28.083 cổ phần,
chiếm 0,06% vốn điều lệ
Trong đó
Sở hữu cá nhân:
28.083 cổ phần,
chiếm 0,06% vốn điều lệ
Được ủy quyền đại diện:
0 cổ phần



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ

KINH TẾ THẾ GIỚI: NHIỀU BIẾN ĐỘNG VÀ RỦI RO CHÍNH SÁCH

Năm 2024, kinh tế thế giới phục hồi dần nhờ lạm phát hạ nhiệt và chính sách tiền tệ linh hoạt của các ngân hàng trung ương. Tuy nhiên, tăng trưởng vẫn đối mặt với nhiều thách thức do căng thẳng địa chính trị, biến động chuỗi cung ứng và bất ổn trên thị trường tài chính. Các nền kinh tế lớn duy trì đà tăng trưởng, trong khi nhiều quốc gia đang phát triển gặp khó khăn do nợ công và chi phí vốn cao.



Theo tính toán của một số tổ chức thì mức tăng trưởng chung của kinh tế thế giới sẽ đạt khoảng từ 2,8% GDP (theo Fitch Ratings) đến 3,2% GDP (theo IMF và OECD) do tác động chậm và liên tục của các chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kiềm chế lạm phát cao, các hệ quả để lại từ xung đột địa chính trị.

Về khu vực Đông Nam Á

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) điều chỉnh tăng trưởng của Đông Nam Á năm 2024 tăng 0,2 điểm phần trăm so với dự báo tháng 9/2024, từ 4,5% lên 4,7% nhờ xuất khẩu và chi tiêu công mạnh hơn ở các nền kinh tế trong khu vực. Tăng trưởng GDP năm 2024 của Việt Nam được dự báo cao nhất khu vực, đạt 6,4%, theo sau là Philippines đạt 6,0%, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a đạt 5,0%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Singapore và Thái Lan được dự báo lần lượt đạt 3,5% và 2,6%.

Các tổ chức quốc tế đều nhận định tăng trưởng của Việt Nam năm 2024 đạt trên 6,0% và xu hướng này vẫn được duy trì trong năm 2025. Cụ thể, IMF và WB nhận định tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt 6,1% trong năm 2024, trong khi đó con số này của ADB là 6,4%, tăng 0,2 điểm phần trăm so với nhận định trong tháng 9/2024.

KINH TẾ VIỆT NAM: ĐIỂM SÁNG CỦA NỀN KINH TẾ CHUNG VÀ KHÔNG NGỪNG NÂNG TẦM VỊ THẾ QUỐC TẾ

Với những thuận lợi cơ bản từ đà phục hồi kinh tế ấn tượng của năm 2023, Việt Nam đã trở thành nền kinh tế lớn thứ tư của ASEAN và thứ 40 của thế giới, năng động và có độ mở cao, với quy mô thương mại quốc tế nằm trong TOP20 của thế giới, xếp thứ 30 trong bảng xếp hạng các quốc gia hùng mạnh nhất thế giới.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tăng trưởng GDP năm 2024 của cả nước ước đạt 7,09%, vượt mục tiêu 6-6,5% đã đề ra, thuộc nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới năm 2024. Mức tăng trưởng năm 2024 là rất tích cực, thể hiện sự quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, kịp thời, hiệu quả của cả hệ thống chính trị trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trước những biến động nhanh, bất thường trong khu vực và trên thế giới, cũng như trước những thiệt hại do thiên tai, bão lũ gây thiệt hại lớn cho sản xuất kinh doanh và đời sống của Nhân dân ở nước ta.

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Việt Nam năm 2024 đạt gần 38,23 tỷ USD, thuộc nhóm 15 nước đang phát triển thu hút FDI lớn nhất thế giới. Vốn FDI thực hiện ước đạt 25,35 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay, theo đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Về đối tác đầu tư, 114 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam trong năm 2024. Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần 10,21 tỷ USD, chiếm 26,7% tổng vốn. Hàn Quốc đứng thứ hai với gần 7,06 tỷ USD, chiếm 18,5%. Tiếp theo là Trung Quốc, Hồng Kông (Trung Quốc) và Nhật Bản.

THỊ TRƯỜNG KHÍ THIÊN NHIÊN

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) Báo cáo của IEA dự báo nhu cầu khí đốt toàn cầu ước tăng 2,8% trong năm 2024, vượt xa mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2010 - 2020. Tuy nhiên, IEA cho rằng tăng trưởng nhu cầu sẽ chậm lại ở mức dưới 2% trong năm 2025, với châu Á chiếm phần lớn mức tăng này. Báo cáo của IEA cho hay sản lượng khí đốt tự nhiên của Trung Đông dự kiến sẽ tăng hơn 20 tỷ m3 trong giai đoạn 2023 - 2025, tương đương mức tăng 3,3%. Theo IEA, Trung Đông đang ngày càng chuyển sang sử dụng khí đốt tự nhiên để sản xuất điện. Khí đốt tự nhiên đang dần thay thế dầu mỏ và các sản phẩm dầu mỏ trong nhiều lĩnh vực khác nhau ở Trung Đông. Các chính sách phát triển và động lực thị trường đã và đang hỗ trợ xu thế này ở Trung Đông.



Tại Việt Nam, năm 2024, với những nỗ lực vượt bậc, việc gia tăng trữ lượng dầu khí đã hoàn thành kế hoạch trước 30 ngày; đặc biệt, hệ số gia tăng trữ lượng bù trừ vào sản lượng khai thác dầu khí trong nước năm 2024 đạt mức 1,07 lần.

Có 3 phát hiện dầu khí mới (tại Lô 09-1, mỏ Rồng; Lô PM3-CAA, mỏ Bunga Aster-1 và Lô 15-2/17, mỏ Hải Sư Vàng), cùng với kết quả khả quan của một số giếng khoan thăm lượng khác như DH-28PI (Lô 05-1a), SV-3X (Lô 16-1/15)... đã ghi nhận dấu mốc quan trọng trong 10 năm (từ năm 2015 đến nay), Tập đoàn lại có 3 phát hiện dầu khí mới trong một năm.

Năm 2024, ngành dầu khí đã hoàn thành đưa vào khai thác 2 mỏ/công trình dầu khí mới, là giàn BK23 của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (đưa vào khai thác từ ngày 19/10/2024, sớm hơn 57 ngày so với kế hoạch) và mỏ Bunga Aster vào khai thác từ ngày 5/5/2024. Kết quả, sản lượng khai thác đầu năm 2024 đạt 9,87 triệu tấn, vượt 1,67 triệu tấn (khoảng 20,4%) kế hoạch năm. Trong đó, khai thác đầu ở trong nước đạt 8,1 triệu tấn, vượt 1,39 triệu tấn so với kế hoạch năm và khai thác đầu ở nước ngoài đạt 1,77 triệu tấn, vượt 282.000 tấn. Sản lượng khí năm 2024 ước đạt 6,32 tỷ m3, vượt 1,22 tỷ m3 so với kế hoạch năm.

Tuy nhiên, lĩnh vực thăm dò khai thác năm 2025 cũng được Tập đoàn Công nghiệp năng lượng quốc gia (Petrovietnam) xác định là "vùng trũng" trong giai đoạn 2021 - 2025 và trong thời gian tới. Nguyên do, hầu hết các giếng/mỏ đang khai thác ở giai đoạn cuối đời mỏ, nên áp suất thấp và WCT (giai đoạn suy thoái sản lượng dầu khí với hàm lượng nước) cao, dẫn tới lưu lượng khai thác suy giảm; giếng phục hồi chậm sau mỗi lần dừng khai thác; hệ thống thiết bị của các mỏ chủ lực đã cũ; chi phí vận hành cao do hệ thống thiết bị được sử dụng trong thời gian dài, phải thực hiện nhiều biện pháp can thiệp giếng; tình trạng thiếu giàn khoan để triển khai các giếng khoan đơn dầy. Trong khi đó, các dự án phát triển mỏ mới triển khai còn chậm do phải trải qua các thủ tục trình, phê duyệt kéo dài, không đủ bù đắp sự sụt giảm tự nhiên của sản lượng khai thác các mỏ (lên tới 10-25%/năm); các dự án khí trọng điểm, dự án khí mới, với đặc thù đầu tư và phát triển mỏ mất nhiều thời gian và phức tạp hơn nhiều so với mỏ dầu, chi phí cao, cần sự thỏa thuận, đầu tư phát triển đồng bộ giữa các khâu, các nhà đầu tư trong chuỗi dự án.

Bên cạnh đó, việc tìm kiếm, triển khai các dự án thăm dò và khai thác dầu khí tốt ở nước ngoài ngày càng khó khăn, phải cạnh tranh khốc liệt với các công ty quốc tế có kinh nghiệm, tiềm lực mạnh.

Những thách thức và cơ hội nói trên đã đang và sẽ là động lực để doanh nghiệp quan tâm nghiên cứu và tập trung phát triển thị trường khí thiên nhiên.

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2025 -2030



TẦM NHÌN

LNG (Liquefied Natural Gas – khí tự nhiên hóa lỏng) được xem là một nguồn năng lượng nền tảng và quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội cũng như đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Việc chuyển đổi sang sử dụng LNG thay thế cho các nhiên liệu truyền thống như than đá và dầu mỏ đang trở thành xu hướng toàn cầu, bao gồm cả Việt Nam, với mục tiêu phát triển bền vững. Dự báo nhu cầu LNG tại Việt Nam sẽ tăng trung bình 12% mỗi năm và có thể gấp ba lần vào giữa những năm 2030. Tuy nhiên, đối với doanh nghiệp Việt Nam, việc phát triển các dự án năng lượng này vẫn gặp phải nhiều khó khăn và thách thức.

Ngoài các sản phẩm dịch vụ truyền thống, PMG đã bổ sung ngành nghề Kinh doanh, phân phối khí đốt hóa lỏng LNG vào tháng 09/2024. Công ty đặt mục tiêu xây dựng và phát triển bền vững, trở thành nhà cung cấp khí hóa lỏng LNG hàng đầu tại Việt Nam, dẫn đầu về công nghệ và chiếm lĩnh thị phần khí hóa lỏng trên thị trường Việt Nam.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

- Xây dựng Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, phạm vi hoạt động khắp cả nước.
- Phát triển Công ty cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung theo hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, lấy trọng tâm là sản xuất kinh doanh khí hóa lỏng.
- Đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỹ thuật cao, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cao của khí hóa lỏng.



MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ƯU TIÊN

1. Bao phủ thị trường khí hóa lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hóa lỏng.
2. Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa khí hóa lỏng.
3. Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành.
4. Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối khí hóa lỏng.
5. Xây dựng thương hiệu Petro Miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.
6. Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.



BAO PHỦ THỊ TRƯỜNG KHÍ HOÁ LỎNG TOÀN QUỐC

Chiến lược tổng thể của Petro Miền Trung là tiếp tục đẩy mạnh phát triển mảng khí hóa lỏng đồng thời duy trì sự ổn định của tập khách hàng hiện tại. Kể từ năm 2025, công ty sẽ triển khai kế hoạch mở rộng tệp khách hàng sử dụng khí hóa lỏng – hoặc sớm hơn tùy thuộc vào tiến độ nhập khẩu – nhằm nhanh chóng gia tăng thị phần.

Hiện tại, hoạt động kinh doanh khí hóa lỏng của Petro Miền Trung tập trung chủ yếu tại khu vực miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long. Từ năm 2025, theo định hướng chuyển sang mô hình tập trung vào sản phẩm khí, công ty dự kiến sẽ mở rộng phạm vi thị trường và tăng sản lượng tiêu thụ khí hóa lỏng trên phạm vi toàn quốc.

Để thực hiện mục tiêu đó, Công ty chủ trương:

- Đa dạng hóa phương thức bán hàng như bán khí hóa lỏng tại trạm mẹ, bán qua các Nhà phân phối/ Đại lý và các hình thức hợp tác kinh doanh khác.
- Đa dạng hóa phương thức đầu tư: khách hàng tự đầu tư hệ thống thiết bị, phương tiện vận chuyển hoặc hợp tác đầu tư với Petro Miền Trung.
- Đa dạng hóa đối tác: hợp tác các đối tác có tiềm lực sản xuất, vận hành hệ thống thiết bị chuyên dụng khí hóa lỏng, đối tác vận chuyển, dịch vụ cung cấp nhân sự,...
- Đa dạng hóa khách hàng nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.



NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT, TỒN CHỨA KHÍ HOÁ LỎNG

- Để phục vụ các mục tiêu chiến lược, Công ty cần đầu tư hoặc thuê nhằm nâng cao năng lực cung ứng, nâng công suất nén, vận chuyển phân phối đến khách hàng. Cụ thể:
- Nâng cao công suất nhà máy, phát triển thị trường khí hóa lỏng miền Bắc và đầu tư hệ thống xe bồn chuyên dụng vận chuyển khí hóa lỏng.
 - Xây dựng các bồn chứa tại khách hàng đồng thời đầu tư xe bồn chuyên dụng vận chuyển khí hóa lỏng.



HOÀN THIỆN CHUỖI VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI, VẬN HÀNH, TIÊN PHONG CÔNG NGHỆ TỒN CHỨA, VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI KHÍ HOÁ LỎNG

Công ty tiếp tục tinh gọn bộ máy nhân sự, xây dựng hoàn chỉnh cơ cấu các phòng, Chi nhánh, đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn mạnh của Công ty. Nghiên cứu hệ thống thiết bị cung cấp khí hóa lỏng để đón đầu phát triển thị trường. Nghiên cứu sâu công tác nén, bảo dưỡng, điều độ vận chuyển nhằm rút ngắn thời gian vận chuyển đến khách hàng an toàn, ổn định. Xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy khí hóa lỏng hiện đại, đồng bộ đáp ứng nhu cầu thị trường.



XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU PETRO MIỀN TRUNG VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Xây dựng và phát triển thương hiệu Petro Miền Trung trở thành thương hiệu uy tín, chất lượng và phổ biến. Đưa Petro Miền Trung ăn sâu vào tiềm thức các khách hàng tiêu thụ nhiên liệu và các nhà đầu tư. Đưa văn hóa doanh nghiệp, văn hóa an toàn thấm nhuần tới từng CBCNV.



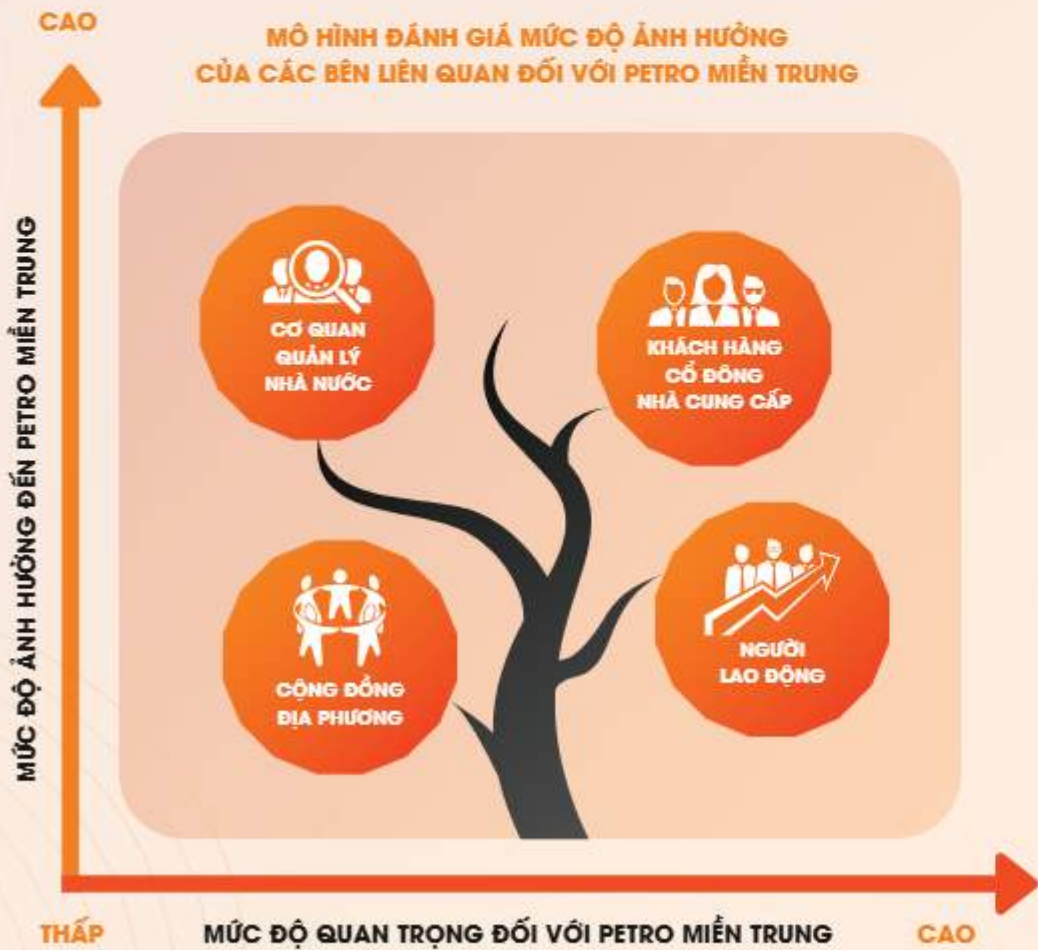
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHUNG TAY XÂY DỰNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty đảm bảo mục tiêu luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước về bảo vệ môi trường. Sử dụng công nghệ tiên tiến, xanh, sạch, thân thiện với môi trường, với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường. Xử lý, vận chuyển và thu xếp việc xả thải an toàn các nguyên liệu, sản phẩm và chất thải một cách có trách nhiệm với môi trường.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (1)

LÀ CÔNG TY HÀNG ĐẦU TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI KHÍ THIÊN NHIÊN, CỤ THỂ LÀ KHÍ HOÁ LỎNG, CÔNG TY CÓ MỐI QUAN HỆ MẬT THIẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TỪ ĐẦU VÀO ĐẾN ĐẦU RA VÀ VỚI CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI. ĐẶT TRONG BỐI CẢNH KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÀI HẠN, PETRO MIỀN TRUNG LUÔN XEM CÁC BÊN LIÊN QUAN LÀ NHỮNG ĐỐI TÁC QUAN TRỌNG BẬC NHẤT VÀ ẢNH HƯỞNG MẠNH MẼ ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY TRÊN CÁC MẶT KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.

Xác định được điều đó, Petro Miền Trung đã xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, thường xuyên tham vấn để thu thập thông tin nhằm đáp ứng kỳ vọng của họ, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Petro Miền Trung xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Công ty bao gồm: Khách hàng, Cổ đông/Nhà đầu tư, Nhà cung cấp, Người lao động, Cơ quan quản lý Nhà nước, và Cộng đồng địa phương, dựa trên “Mô hình đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan” bên dưới.



KỖ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG HDSXKD

Căn cứ vào việc tương tác và tham vấn với các bên liên quan, Petro Miền Trung có thể xác định được các vấn đề mà họ quan tâm và kỳ vọng. Việc tham vấn cũng giúp Công ty xác định được lĩnh vực cần phải tập trung để đáp ứng sự quan tâm, kỳ vọng đó đồng thời phục vụ cho các định hướng mục tiêu chiến lược.

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỖ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTC
KHÁCH HÀNG	Thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ thông qua quy trình “Bán khí và chăm sóc khách hàng”.	Giá khí, chất lượng khí, chất lượng dịch vụ khách hàng, cơ chế giải quyết khiếu nại.	(1) Bao phủ thị trường khí hoá lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hoá lỏng.	Báo cáo của Ban Giám đốc
	Hàng năm, Công ty khảo sát ý kiến, sự hài lòng của khách hàng thông qua “Phiếu thăm dò ý kiến”.	An toàn trong vận hành và vận chuyển khí hoá lỏng, môi trường.		Hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-MT
	Hàng quý, Công ty cũng tập hợp ý kiến phản hồi của khách hàng để trình Ban Lãnh đạo có phương án xử lý, chỉ đạo tích cực, kịp thời.	Tài chính vững mạnh, hoạt động ổn định liên tục.		Cộng đồng - Xã hội
	Hàng tháng, nếu thị trường nhiên liệu có biến động, Công ty sẽ gặp gỡ trực tiếp với khách hàng để đối thoại, đàm phán giá bán.			Trách nhiệm với môi trường
	Phản hồi và trao đổi qua đường dây nóng hoặc email.			Quản trị rủi ro
CỔ ĐÔNG / NHÀ ĐẦU TƯ	Giao lưu văn hóa – thể thao với khách hàng.			
	Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.	Thành tích của Công ty trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường.	(1) Bao phủ thị trường khí hoá lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hoá lỏng.	Báo cáo của Hội đồng Quản trị
	Viếng thăm Công ty, nhà máy.	Hoạt động quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin.	(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.	Báo cáo của Ban Giám đốc
	Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại.			Phân tích tài chính
	Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email.			

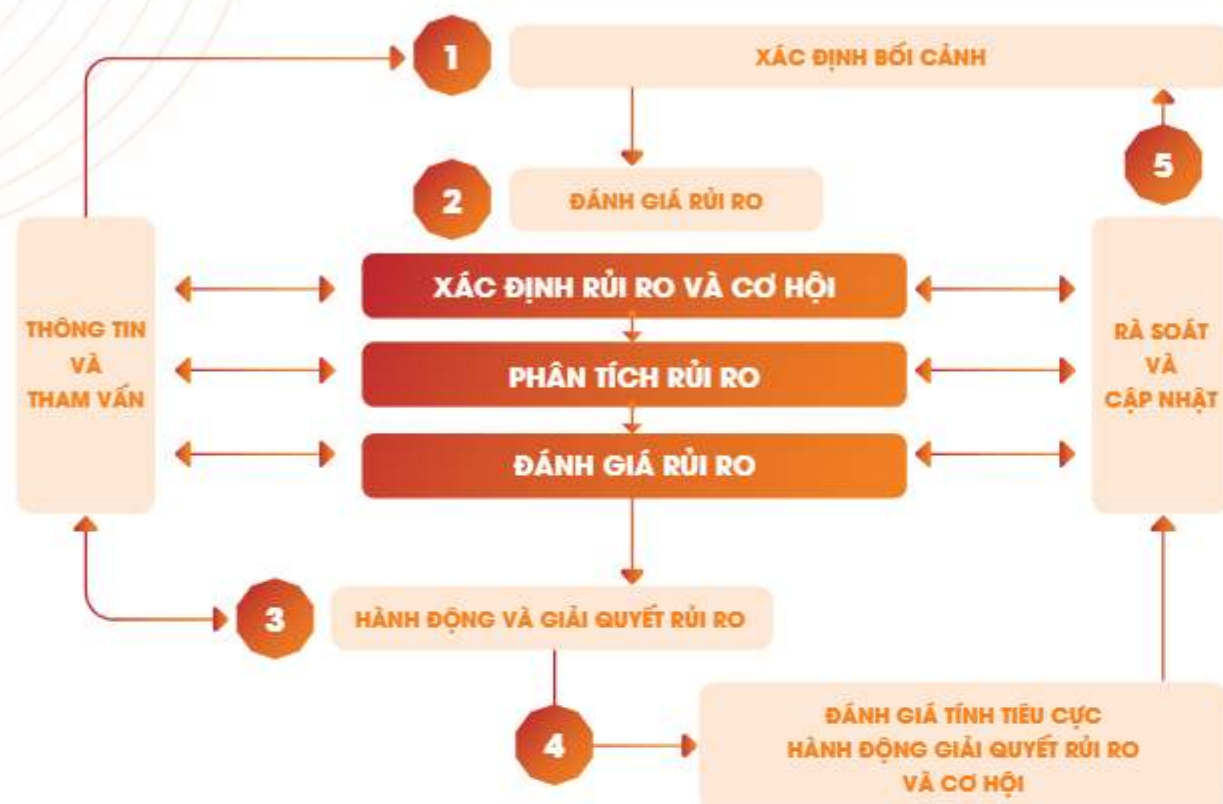
GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (2)

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTC
NHÀ CUNG CẤP	Petro Miền Trung còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì - bảo dưỡng...	Giá bán khí đầu vào và các sản phẩm, dịch vụ khác.	(1) Bao phủ thị trường khí hoá lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hoá lỏng.	Báo cáo của Ban Giám đốc
	Công ty duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung cấp khí cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào.	Khả năng thanh toán hợp đồng cung cấp.	(2) Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa khí hoá lỏng.	Phân tích tài chính
NGƯỜI LAO ĐỘNG	Tim kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đấu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty.	Hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả bền vững.	(3)&(4) Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành/Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối khí hoá lỏng.	Quản trị rủi ro
	Giao lưu văn hóa – thể thao với nhà cung cấp.		(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.	
	Đánh giá thành tích của các đợt bổ nhiệm và xem xét lương.	Chế độ đãi ngộ như quyền lợi lương thưởng, bảo hiểm, an toàn nghề nghiệp, đào tạo...	(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.	Nguồn nhân lực
	Hoạt động của Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty.	Môi trường làm việc và cơ hội thăng tiến.		Cộng đồng - Xã hội
	Hội nghị Người lao động được tổ chức hằng năm.	Thành tích và uy tín của Công ty về kinh tế, môi trường, xã hội.		Báo cáo của Ban Giám đốc
	"Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc" theo Quy chế dân chủ mà Công ty đã ban hành.			Phân tích tài chính

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTC
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	Petro Miền Trung còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì - bảo dưỡng...	Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn, bảo vệ môi trường và các quy định đặc thù của ngành Dầu khí.	(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.	Trách nhiệm với môi trường
	Công ty duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung cấp khí cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào.	Đảm bảo môi trường làm việc, an toàn lao động cho CBCNV và cộng đồng địa phương.	(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.	Cộng đồng-Xã hội
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	Tim kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đấu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty.	Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế.		Tăng trưởng kinh tế bền vững
	Giao lưu văn hóa – thể thao với nhà cung cấp.			
	Phối hợp với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở văn phòng, nhà máy, chi nhánh để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương.	Đảm bảo tuân thủ pháp luật về môi trường, an toàn trong sản xuất kinh doanh.	(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.	Trách nhiệm với môi trường
	Gặp mặt trực tiếp để trao đổi các vấn đề phát sinh.	Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương.		Cộng đồng-Xã hội
				Tăng trưởng kinh tế bền vững

QUẢN TRỊ RỦI RO (1)

QUY TRÌNH QUẢN TRI RỦI RO



01. XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH CỦA TỔ CHỨC / HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Xác định mục đích, định hướng chiến lược và kết quả đầu ra mong muốn của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.



Xác định các vấn đề bên ngoài có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh: chính trị, pháp luật, môi trường kinh tế vĩ mô, tài chính, công nghệ, cạnh tranh, điều kiện môi trường như khí hậu, chất lượng không khí, chất lượng nước, ô nhiễm...



Các vấn đề bên trong gồm: giá trị, kiến thức văn hóa, nguồn lực, quá trình hoạt động của tổ chức



Nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp

02. ĐÁNH GIÁ RỦI RO

- Phân loại rủi ro dựa trên bản chất rủi ro và phạm vi tác động tiềm năng.
- Phân tích, đánh giá rủi ro và cơ hội nhằm xác định kết quả mong đợi, sự không chắc chắn ảnh hưởng đến kết quả mong đợi từ các vấn đề bên trong, bên ngoài đã được xác định. Từ đó xác định cơ hội đạt được sau khi kiểm soát rủi ro.
- Phân tích các rủi ro dựa trên 2 tiêu chí là khả năng xảy ra và hậu quả xảy ra, cũng như xem xét hiệu lực của biện pháp kiểm soát hiện hành thông qua các dữ liệu thống kê trong quá khứ. Từ đó, đưa ra đánh giá mức độ rủi ro cao, thấp, trung bình.

03. HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO

- Đối với các rủi ro được đánh giá là thấp và trung bình: duy trì các biện pháp kiểm soát rủi ro hiện hành.
- Đối với các rủi ro được đánh giá cao: cần hành động giải quyết rủi ro và cơ hội, thực hiện các biện pháp kiểm soát bổ sung.
- Phân công người chịu trách nhiệm thực hiện các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- Phổ biến và tổ chức thực hiện hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.

Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội:



04. ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU LỰC HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO VÀ CƠ HỘI

Đánh giá mức độ tuân thủ các biện pháp đã hoạch định.

Đánh giá mức độ đạt được kết quả dự kiến.

Các đơn vị đánh giá tính hiệu lực của các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội định kỳ 6 tháng/ lần đối với các rủi ro cao, và báo cáo kết quả về BGD Công ty.

05. RÀ SOÁT VÀ CẬP NHẬT

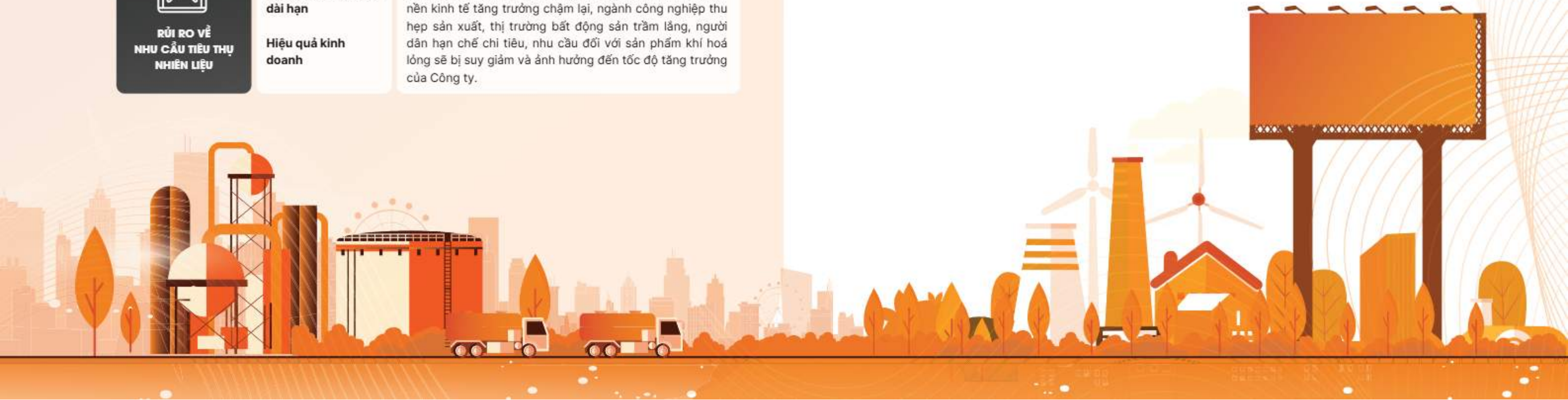
- Theo dõi, rà soát, và cập nhật bảng xác định rủi ro và cơ hội từ bối cảnh của công ty định kỳ hàng năm.
- Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào trong bối cảnh của tổ chức (vấn đề bên trong, bên ngoài, nhu cầu mong đợi các bên liên quan) cần phải rà soát và cập nhật bảng xác định rủi ro và cơ hội nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Ngoài ra, khi có sự thay đổi, hoặc phát sinh các khía cạnh môi trường có ý nghĩa, cũng cần rà soát và cập nhật các rủi ro liên quan an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

QUẢN TRỊ RỦI RO (2)

PHÂN LOẠI RỦI RO

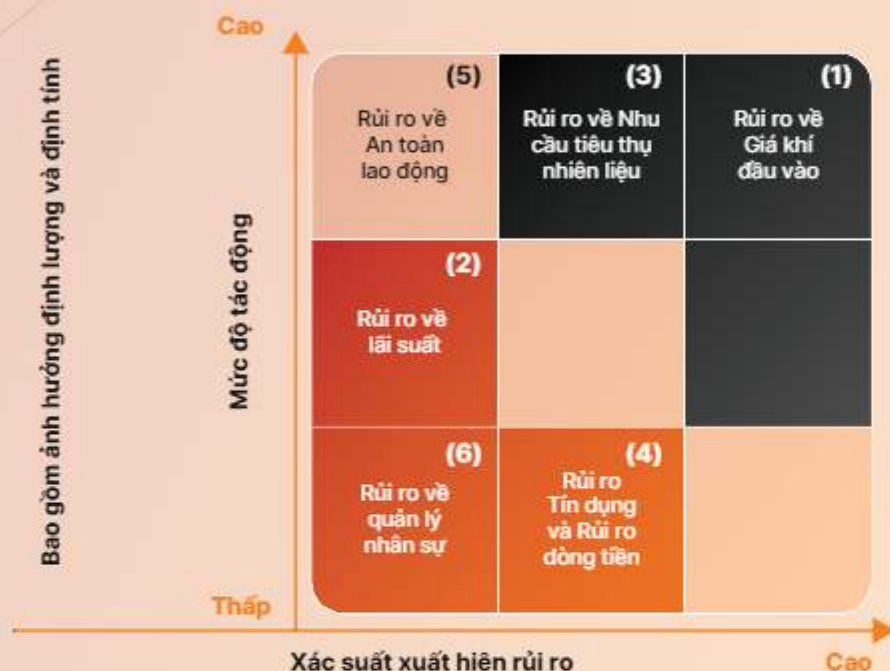
RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO
 GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO	Hiệu quả kinh doanh Kế hoạch kinh doanh trung hạn	Petro Miền Trung hoạt động trong lĩnh vực phân phối khí hoá lỏng. Lợi nhuận thu được phụ thuộc rất lớn vào chênh lệch giá đầu ra và đầu vào của sản phẩm. Cơ chế giá khí đầu vào của Công ty được áp dụng dần theo cơ chế thả nổi của giá dầu thế giới. Do vậy, sự biến động mạnh của giá dầu thế giới sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
 RỦI RO VỀ LÃI SUẤT	Khẩu vị rủi ro và khả năng chịu đựng rủi ro Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn	Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao sẽ thu hẹp các lựa chọn huy động vốn cho các dự án đầu tư của Công ty trong tương lai.
 RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn Hiệu quả kinh doanh	Thị trường tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thực phẩm. Đây đều là các ngành chịu ảnh hưởng mạnh từ xu hướng chung của nền kinh tế. Khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, thị trường bất động sản trầm lắng, người dân hạn chế chi tiêu, nhu cầu đối với sản phẩm khí hoá lỏng sẽ bị suy giảm và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của Công ty.

RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO
 RỦI RO VỀ TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN	Hiệu quả kinh doanh	Rủi ro tín dụng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán của đối tác. Nếu đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Công ty. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt Công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty.
 RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Danh tiếng của Công ty	Với đặc thù sản xuất cung cấp các sản phẩm năng lượng Dầu khí, sử dụng nhiều nhân lực và phương tiện hoạt động, môi trường kinh doanh của khí hoá lỏng luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao, nguy cơ xảy ra thiệt hại lao động cho con người, sự cố hư hỏng thiệt hại tài sản có giá trị lớn, sự cố rò rỉ khí và thậm chí là các sự cố ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thiên nhiên.
 RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn	Với quan điểm con người là hạt nhân của sự thành công của doanh nghiệp, rủi ro trong quá trình quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm. Nhân viên luôn được đòi hỏi cao về kỹ thuật và trình độ chuyên môn trong việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giảm áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng. Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả.



QUẢN TRỊ RỦI RO (3)

MA TRẬN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC RỦI RO LÊN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA PETRO MIỀN TRUNG



QUẢN TRỊ RỦI RO THEO CẤP

HDQT chịu trách nhiệm định hướng chiến lược và quản lý công ty, gắn liền quản trị rủi ro với chiến lược phát triển. Ngoài ra, HDQT còn chịu trách nhiệm thiết lập các nguyên tắc, khung quản trị rủi ro, và chịu trách nhiệm tổng thể về quản trị rủi ro cũng như quản trị rủi ro một cách hiệu quả. Để bảo đảm tính hiệu quả của khung quản lý rủi ro, các bộ phận chức năng có liên quan được thiết lập đầy đủ và hiệu quả trong công ty bao gồm các bộ phận giám sát và bảo đảm. Mô hình “**Ba tuyến phòng vệ**” là phương thức để giải thích mối quan hệ giữa những bộ phận này cũng như để chỉ dẫn cách thức phân chia trách nhiệm:

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ NHẤT

Các phòng ban thực hiện quản trị đối với các rủi ro liên quan trực tiếp đến chức năng, lĩnh vực của mình. Định kỳ đánh giá và báo cáo với BGD về hoạt động quản trị rủi ro

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ HAI

BGD có trách nhiệm triển khai, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện quản trị rủi ro. Đảm bảo các quy trình quản trị tuân thủ tiêu chuẩn liên quan, tạo lợi ích cho cổ đông và công ty.

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ BA

Ban kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý điều hành, nhằm phát hiện rủi ro tiềm ẩn hoặc thiếu sót; từ đó góp ý về việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO

RỦI RO

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO



GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO

Mục tiêu quản trị rủi ro chi phí đầu vào nhận được sự chú trọng thông qua hoạt động thu mua nhiên liệu theo dự báo về tình hình giá dầu thế giới. Với hệ thống kho chứa lớn giúp Công ty có thể đạt mức chiết khấu giá đầu vào tốt hơn.

Công ty liên tục theo sát diễn biến và tiến hành dự báo giá dầu thế giới để có những điều chỉnh phù hợp trong giá bán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty ưu tiên đàm phán với khách hàng theo các hợp đồng với thời hạn ngắn (từng tháng) nhằm giảm thiểu tác động từ sự biến động của giá dầu lên biên lợi nhuận, qua đó gia tăng hiệu quả kinh doanh cho cả khách hàng và Công ty.

Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường để tăng sản lượng, thực hiện các hợp đồng có điều khoản điều chỉnh linh hoạt giá bán khi có sự biến động lớn của giá nguyên liệu. Thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực.

Thắt chặt mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu liên quan.

Xây dựng kế hoạch ngân sách, giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm... đảm bảo các chi phí tuân theo tiến trình ngân sách được hoạch định. Ngoài những chi tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất.



RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Công ty tiến hành phân tích và xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý phù hợp với hoạt động sản xuất công ty. Công ty xây dựng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả để tài trợ hoạt động.

Thực hiện khảo sát, tiếp cận với các phương án vốn khác nhau nhằm lựa chọn nguồn vốn với chi phí rẻ nhất. Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm phòng hộ rủi ro biến động lãi suất và duy trì hợp lý mức rủi ro trong biên độ cho phép.

Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn.



RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

Công ty luôn quan tâm đến việc thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có. Nỗ lực đa dạng hóa mạng lưới cung cấp sản phẩm bằng cách tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên.

Công ty luôn chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm CNG nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó là duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh doanh hiện tại.

Đa dạng hóa lĩnh vực tiêu thụ trong mạng lưới khách hàng. Cụ thể, Petro Miền Trung luôn tìm kiếm các khách hàng mới trên mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cũng như khu vực kinh doanh để giảm bớt những rủi ro đến từ sự tập trung với mật độ cao ở một số ngành nghề nhất định như hiện tại.

Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận.

Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn, thời điểm đầu tư cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng.

Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả.

QUẢN TRỊ RỦI RO (4)

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO (TIẾP THEO)

RỦI RO

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO



RỦI RO VỀ TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN

Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ. Thẩm định sức khỏe tài chính của khách hàng trước khi ký kết hợp đồng. Thực hiện chính sách tín dụng đối với từng nhóm khách hàng cụ thể, theo sức khỏe tài chính, khu vực và loại hình kinh doanh. Thường xuyên theo dõi để đánh giá chính xác những rủi ro tín dụng tiềm ẩn có thể phát sinh.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo chiều sâu trong mỗi liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua việc nói lòng về thời gian trả chậm nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ khoản phải thu.

Với công tác quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác. Các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Đối với các khoản phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dù kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng nhưng Công ty vẫn duy trì sự linh hoạt tối thiểu nhằm đạt sự hài hòa với khả năng đạt được các mục tiêu tăng trưởng đề ra của Công ty.

Song hành cùng những nỗ lực quản trị rủi ro dòng tiền từ vốn luân chuyển, sự cân đối dòng tiền thuần cũng là một nhân tố quan trọng nhằm đạt sự cân bằng giữa hoạt động đầu tư xây dựng mà không ảnh hưởng đến cấu trúc nguồn vốn của Công ty.



RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Với đặc thù phân phối năng lượng, công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá trình hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định.

Petro Miền Trung hoàn thành việc nâng cấp hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn ISO, được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Bên cạnh đó, quy trình quản trị rủi ro được liên tục cải tiến phù hợp với những thay đổi trong điều kiện sản xuất. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp kinh doanh trong ngành khí.

Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm xây dựng văn hóa lao động an toàn, nâng cao ý thức và đào tạo những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra.

Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất. Công ty sử dụng công cụ, phần mềm quản lý công tác kiểm tra bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, phương tiện nhằm đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hóa chất lượng cho sản phẩm.

Công ty tiến hành mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho người lao động. Cùng với đó là các chính sách mua bảo hiểm cho tài sản hoạt động nhằm giúp giảm bớt thiệt hại cho Công ty nếu có rủi ro tai nạn xảy ra.

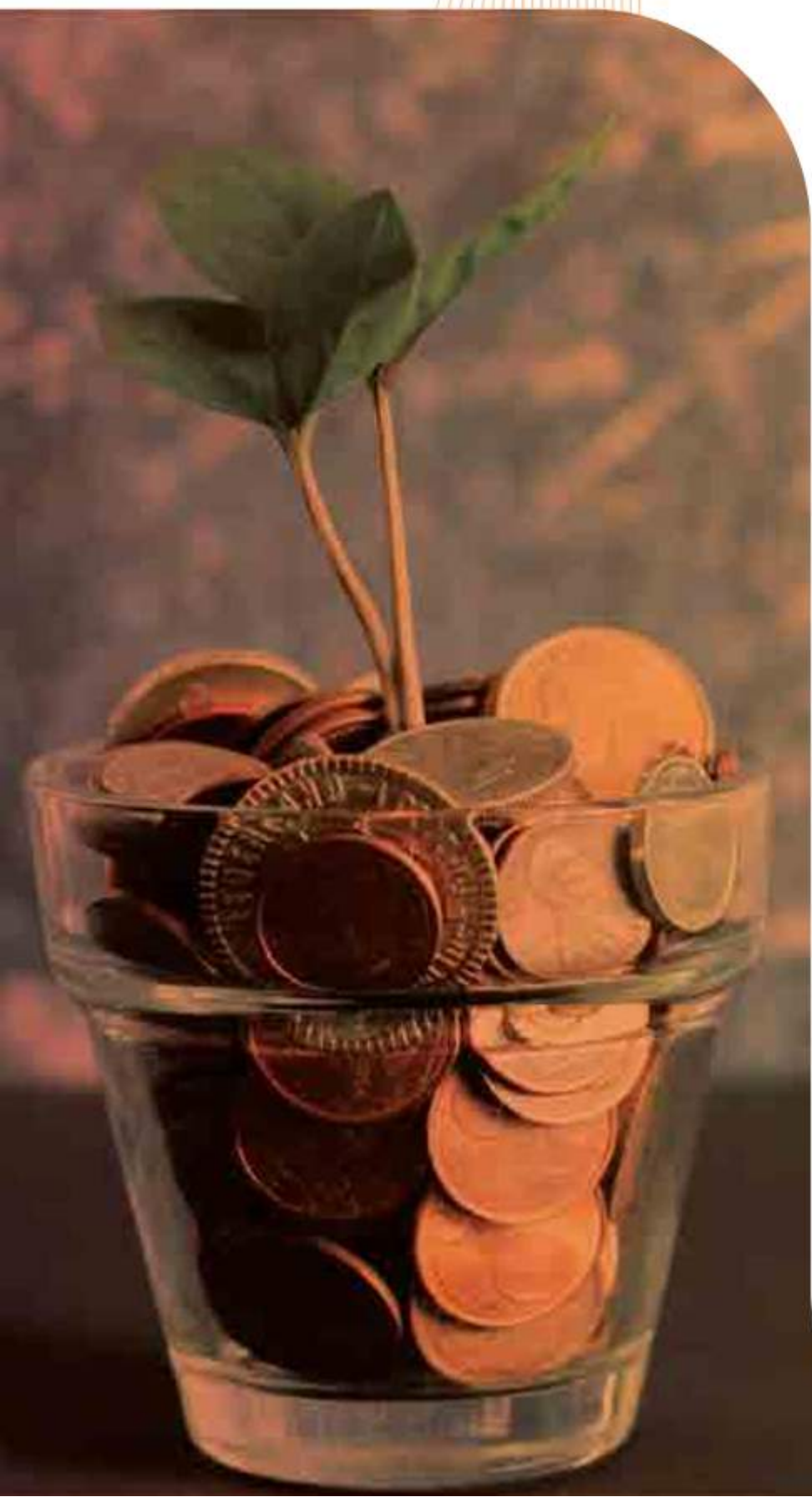


RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực.

Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực trong quá trình vận hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và quy trình đánh giá năng lực diễn ra công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, với sự hồi phục của thị trường dầu khí và triển vọng khả quan của nền kinh tế, đây cũng là cơ hội để Công ty có thể tìm kiếm và bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai.

CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm nâng cao năng lực.



NGUỒN NHÂN LỰC

NGƯỜI LAO ĐỘNG

LÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP TẠO RA
GIÁ TRỊ CHO CÔNG TY,
VÀ LÀ MỘT TRONG NHỮNG
BÊN LIÊN QUAN QUAN TRỌNG

**CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
CỦA PETRO MIỀN TRUNG**

SỐ LƯỢNG
CBCNV NĂM 2024

433

NGƯỜI

VIỆC LÀM

Với đặc thù doanh nghiệp ngành khí thì lao động nam chiếm đa số trong đội ngũ lao động, Petro Miền Trung đã nỗ lực cân đối tỷ lệ giới tính trong công ty. Trong năm 2024, tổng số lao động nữ là 68 người, chiếm 16% tổng số lao động, tỷ lệ lao động nữ trong ban lãnh đạo là 5%.

Ngoài việc nỗ lực cân đối tỷ lệ giới tính trong đội ngũ nhân sự, Petro Miền Trung cũng nỗ lực trong việc xây dựng một đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao nhằm đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại cũng như phát triển trong tương lai của công ty.

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao thì cơ cấu lao động theo độ tuổi cũng là yếu tố cần phải quan tâm. Lao động từ 30-50 tuổi hiện đang chiếm tỷ trọng cao trong lực lượng lao động chiếm 69%. Lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 17%, và lao động trên 50 tuổi chiếm 14%.

MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH
CỦA CBCNV NĂM 2024

13
TRIỆU ĐỒNG



ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Ban lãnh đạo Công ty luôn tự thấy trách nhiệm của Công ty, của cá nhân mỗi cán bộ nhân viên đối với sự phát triển của cộng đồng. Ngoài việc đóng góp cho ngân sách địa phương, Ban lãnh đạo thường xuyên hưởng ứng các chương trình do chính quyền các cấp phát động, và khuyến khích sự tham gia của toàn thể CBCNV.

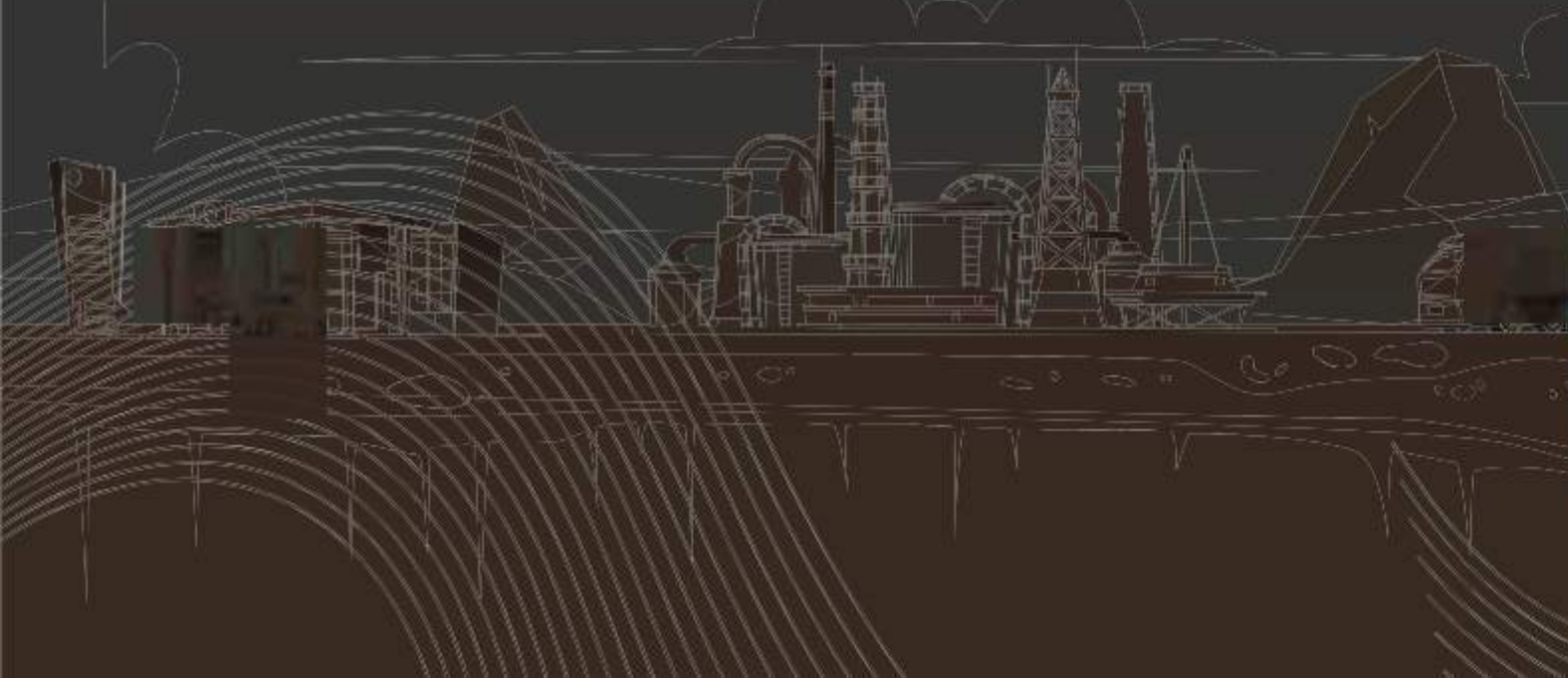


BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (1)



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm, HĐQT đã họp các phiên cụ thể như sau:



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập		Số buổi họp HĐQT tham dự
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
01	Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	10/06/2022	-	06/06
02	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên	10/06/2022	-	06/06
03	Ông Lê Tấn Cẩn	Thành viên	10/06/2022	-	06/06
04	Ông TOSHIO TATSUNO	Thành viên	12/10/2022	18/11/2024	06/06

Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp định kỳ với Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và việc triển khai các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và triển khai các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể các phòng ban nhằm thực hiện công tác giám sát ở các khía cạnh sau:

- **Giám sát tình hình tài chính:** Xem xét, phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính kết hợp trao đổi trực tiếp với kiểm toán độc lập trong đợt soát xét báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm để kịp thời đánh giá kết quả soát xét trước khi Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung phát hành báo cáo ra công chúng.
- **Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh:** Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và theo dõi chặt chẽ tính hiệu quả và tuân thủ của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung trong các quy trình sản xuất kinh doanh chính.
- **Giám sát việc triển khai quản trị rủi ro:** Hội đồng quản trị giám sát Tổng Giám đốc và ban điều hành thông qua: chiến lược, chính sách, quy trình, các ưu tiên, kết quả thực hiện mục tiêu, quản lý rủi ro.

Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định theo điều lệ của công ty. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng giám đốc điều phù hợp với phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị trong các văn bản liên quan.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (2)

CÁC NGHỊ QUYẾT / QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/03/2024/NQ-HDQT	01/03/2024	Nghị quyết triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
02	01/05/2024/NQ-HDQT	10/05/2024	Nghị quyết HDQT về việc Giao dịch với người có liên quan	100%
03	02/05/2024/NQ-HDQT	29/05/2024	Nghị quyết HDQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán 2024	100%
04	01/07/2024/NQ-HDQT	18/07/2024	Nghị quyết triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024	100%
05	01/QĐ	21/10/2024	Nghị quyết HDQT về việc giải thể chi nhánh Bình Định	100%
06	01/11/2024/NQ-HDQT	18/11/2024	Nghị quyết HDQT về việc miễn nhiệm chức danh thành viên HDQT	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên HDQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm của HDQT thông qua việc đóng góp ý kiến tại các buổi họp. Trong năm 2024, thành viên HDQT độc lập tiếp tục duy trì mối quan hệ tích cực với HDQT và Ban Điều hành, kịp thời thảo luận, tư vấn góp phần hoàn thiện các chính sách, công tác điều hành bằng các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của mình, đưa ra những giải pháp phù hợp để ứng phó với những biến động phức tạp của thị trường đầu khí, đặc biệt khi giá nguyên liệu đầu vào không ổn định và biến đổi khí hậu.

Về hoạt động của HDQT, Thành viên HDQT độc lập đánh giá rằng HDQT Công ty đã hoạt động với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đầy đủ các quy định áp dụng đối với công ty đại chúng. Các cuộc họp của HDQT được tổ chức kịp thời, thực hiện đúng quy trình theo Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HDQT thảo luận, đánh giá một cách thấu đáo và cẩn trọng, nhằm đưa ra các định hướng và giải pháp tối ưu nhất để mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty. Các vấn đề chiến lược liên quan đến kinh doanh, mở rộng thị trường, đầu tư công nghệ và xây dựng hệ thống quản lý đều được HDQT xem xét và đánh giá thường xuyên trong các cuộc họp định kỳ.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp HDQT tham dự
01	Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng Ban Kiểm Soát	10/06/2022	02/02
02	Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên	10/06/2022	02/02
03	Bà Trần Thị Quyên	Thành viên	10/06/2022	02/02

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát (BKS) thực hiện chức năng giám sát việc triển khai tổ chức kế hoạch sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miên Trung. Các nội dung giám sát chính bao gồm:

- Thẩm định báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính: Đánh giá báo cáo tài chính các quý, báo cáo soát xét bán niên 2024 và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HDQT).
- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HDQT: Kiểm tra tính pháp lý của các nghị quyết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
- Giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.
- Giám sát tình hình tài chính: Đánh giá hiệu quả hoạt động, khả năng thanh toán, tình hình sử dụng vốn, công tác quản lý dòng tiền.
- Kiểm tra hệ thống cơ chế, chính sách, quy trình nội bộ: Xem xét mức độ phù hợp của các quy định nội bộ nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động, tuân thủ pháp luật hiện hành.
- Thực hiện các công việc khác theo quyết định của ĐHCĐ và quy định hiện hành.

Qua công tác giám sát, BKS nhận thấy hoạt động quản trị và điều hành Công ty của HDQT, Ban Giám đốc cơ bản được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty và pháp luật. Các nghị quyết, quyết định quan trọng của HDQT được thực hiện nghiêm túc theo đúng chủ trương của ĐHCĐ

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HDQT và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện để BKS hoàn thành nhiệm vụ giám sát, hỗ trợ trong việc quản lý và điều hành Công ty, tạo môi trường làm việc và phối hợp đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty, của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ của Công ty.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (1)

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



GIÁ DẦU ĐẠT QUA NGƯỠNG
84,1 USD/THÙNG

Thị trường dầu thế giới đã trải qua diễn biến khó lường trong nửa cuối năm 2024. Điều này xuất phát từ nhiều yếu tố như việc Tổ chức các Nước xuất khẩu Dầu mỏ và các nước sản xuất dầu đồng minh (OPEC+) điều chỉnh kế hoạch sản lượng, các dự báo trái chiều về nhu cầu dầu hay căng thẳng tại Trung Đông. Giá dầu trong năm 2024 đã chứng kiến đà tăng tiếp tục mạnh mẽ đạt quanh ngưỡng 84,1 USD/thùng.

Bước sang 2025, nhờ công suất dự phòng cao của các nhà sản xuất, tốc độ sản xuất ở các nước không thuộc Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) gia tăng. Ngân hàng đầu tư đa quốc gia Goldman Sachs dự báo, giá dầu Brent năm 2025 sẽ dao động trong biên độ 70 – 85 USD/thùng và đạt trung bình khoảng 76 USD. Nhưng trước sức ép của các sự kiện địa - chính trị khó lường, nó có thể vượt ngưỡng 85 USD.

Ban Tổng Giám đốc đã luôn theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, tình hình dịch bệnh và diễn biến hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh và tận dụng mọi cơ hội có được. Với sự nỗ lực vượt bậc và đoàn kết một lòng, tập thể CBCNV Công ty đã nỗ lực tối đa, dù chưa hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024 những kết quả thực hiện vẫn là kết quả đáng ghi nhận.



Trong năm qua đã không có bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, môi trường cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh xã hội xảy ra nhiều sự cố cháy nổ đáng tiếc, Công ty đã duy trì đầy đủ các biện pháp phòng chống theo khuyến cáo của Bộ Công an, cơ quan phòng cháy chữa cháy địa phương, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn tuyệt đối cho người lao động.

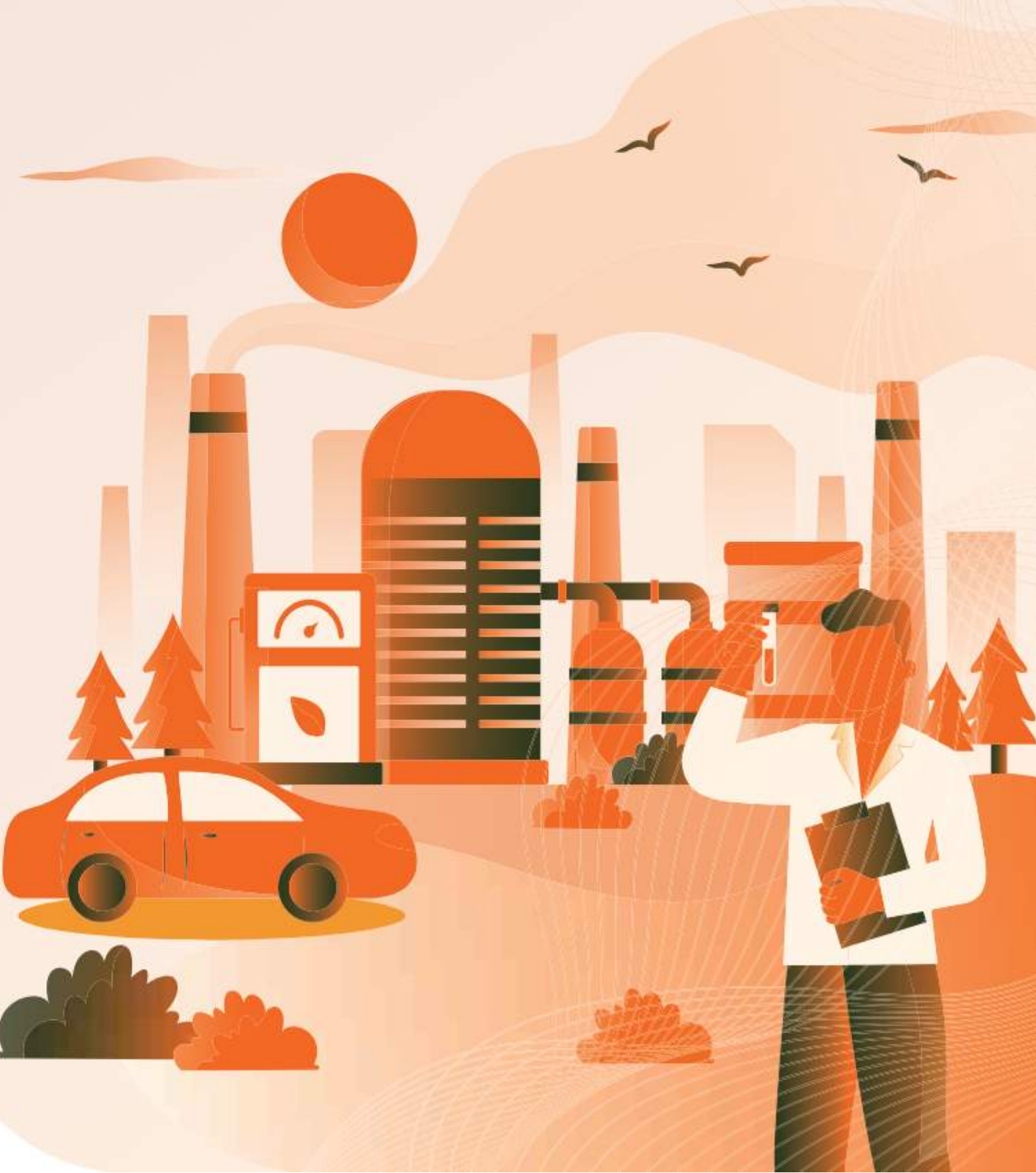


Các dự án đầu tư thực hiện trong năm đảm bảo về chất lượng công trình, chất lượng thiết bị, an toàn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ dầu khí của khách hàng, tuân thủ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.



Các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, duy trì ổn định tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục được triển khai.

Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đào tạo cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai gần. Các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế của Công ty luôn được thực hiện nghiêm túc, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (2)

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2024, Công ty ghi nhận chuyển biến tích cực trong kết quả hoạt động kinh doanh khi ghi nhận Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt hơn 31,4 tỷ đồng (so với mức lỗ hơn 20 tỷ đồng năm trước). Đây là kết quả của sự nỗ lực của Ban điều hành trong việc giảm chi phí sản xuất và tăng hiệu suất hoạt động kinh doanh. Kết quả này đã khắc phục tình trạng cổ phiếu bị kiểm soát, đưa cổ phiếu PMG được giao dịch bình thường trên thị trường chứng khoán.

Ban điều hành đã tiếp tục bám sát kế hoạch tái cấu trúc toàn diện, triển khai các chính sách linh hoạt, phù hợp với diễn biến của thị trường và ghi nhận những chuyển biến rõ rệt. Doanh thu thuần tăng trưởng +10% so với cùng kỳ và các chỉ tiêu tài chính được cải thiện rõ rệt.

CHỈ TIÊU (tỷ đồng)	Năm 2023	Năm 2024
Tổng giá trị tài sản	1.777.820.279.982	1.772.788.225.879
Doanh thu thuần	1.832.244.530.402	2.024.673.956.321
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(26.387.510.311)	28.527.102.383
Lợi nhuận khác	13.456.221.032	11.575.475.252
Lợi nhuận trước thuế	(12.931.289.279)	40.102.577.635
Lợi nhuận sau thuế	(24.039.200.103)	31.482.864.892
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Với kết quả kinh doanh tích cực, năm 2024 ghi nhận sự chuyển biến tốt ở mọi chỉ số: Khả năng thanh toán của Công ty đã được cải thiện; Vay nợ giảm và vòng quay HTK/vòng quay TTS đều tăng trưởng hơn cùng kỳ. Đặc biệt, các chỉ tiêu sinh lời đã ghi nhận chỉ số dương, ROE đạt ~5% trong năm vừa qua.

CHỈ TIÊU	Đơn vị	2023	2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLD/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,71	0.78
Hệ số thanh toán nhanh [(TSLD – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,64	0.71
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,64	0.62
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,79	1.65
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	24,21	47.36
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	1.03	1.14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-1,31	1.55
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/NVCSH (ROE)	%	-3,63	4.82
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	-1,56	1.77
Tỷ suất Lợi nhuận HDSXKD/Doanh thu thuần	%	-1,44	1.41

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (3)

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

CHỈ TIÊU (tỷ đồng)	2023	2024
Tài sản ngắn hạn	750.064.226.895	806.532.268.064
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.558.271.807	149.697.944.432
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	281.001.162.740	277.451.084.494
Các khoản phải thu ngắn hạn	319,866,517,869	309.844.573.110
Hàng tồn kho	32,900,966,655	40.095.163.014
Tài sản ngắn hạn khác	39,737,307,824	29.443.503.014
Tài sản dài hạn	1,027,756,053,087	966,255,957,815
Tài sản cố định	471,654,098,786	441.318.250.627
Bất động sản đầu tư	94,132,132,810	94,083,370,558
Tài sản dài hạn khác	437,197,889,158	409.167.220.744
Tổng cộng tài sản	1,777,820,279,982	1,772,788,225,879

Tổng tài sản của Công ty tăng nhẹ so với năm 2023. Hàng tồn kho giảm mạnh cho thấy chính sách bán hàng và việc cải thiện quy trình quản lý đã có hiệu quả. Chính sách bán hàng và tăng cường hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty đã có những kết quả tích cực khi các khoản phải thu ngắn hạn đã tăng khoảng 155 tỷ đồng so với năm trước.

Các khoản công nợ phải thu, phải trả được quản lý tốt, không gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn chủ động sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá của ngân hàng (hợp đồng hoán đổi lãi suất, SWAP...) để đảm bảo sự biến động của tỷ giá luôn được kiểm soát.

Tình hình nợ phải trả

CHỈ TIÊU	2023	2024
Nợ phải trả	1.140.491.212.385	1.103.976.293.390
Nợ ngắn hạn	1.055.267.222.259	1.034.870.658.607
Nợ dài hạn	85.223.990.126	69.105.634.783
Vốn chủ sở hữu	637.329.067.597	668.811.932.489
Tổng cộng tài sản	1.777.820.279.982	1.772.788.225.879

Cơ cấu nợ ghi nhận xu hướng giảm trong năm qua. Điều này có được do sự cải thiện về hiệu quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn lựa chọn các tổ chức tín dụng uy tín, là đối tác lâu năm của Petro Miền Trung để đảm bảo được hưởng mức lãi suất cạnh tranh nhất trên thị trường. Nhờ đó, mức lãi suất của các khoản vay nợ luôn được giữ ổn định.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Ngoài các công tác điều hành bình thường, để đảm bảo đạt được các mục tiêu kế hoạch, Công ty sẽ tập trung vào các giải pháp sau:

1

Điều chỉnh chính sách bán hàng để tạo sự đồng thuận và ủng hộ từ khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng hoàn thành doanh số.

2

Từ kế hoạch chung của Công ty phân bổ thành các nhiệm vụ của từng phòng ban, yêu cầu các phòng ban xây dựng kế hoạch hoạt động giao từng cá nhân và các giải pháp giám sát thực hiện các công việc. Trên cơ sở kế hoạch được giao, đánh giá mức độ hoàn thành, gắn vào việc trả lương thưởng theo kế hoạch được duyệt.

3

Điều chỉnh chính sách bán hàng để tạo sự đồng thuận và ủng hộ từ khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng hoàn thành doanh số.

4

Quy định hạn mức chi phí, yêu cầu xây dựng giải pháp thực hiện hạn mức bao gồm cả giải pháp kiểm soát, giao trách nhiệm cho các bộ phận, trong toàn bộ hoạt động doanh nghiệp.

5

Đổi mới hoạt động Marketing nâng cao tính chuyên nghiệp, áp dụng Marketing số, đa dạng các hình thức, tập trung vào các hoạt động marketing tại điểm bán. Chi phí marketing gắn với tăng trưởng doanh thu.

4. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2024

Đơn vị tính : tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024
1. Doanh thu thuần hợp nhất	2.200	2.025
2. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	45	40
3. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	36	31

KHKD 2025 của Công ty hiện tại dựa trên kịch bản tình hình địa chính trị trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp. Nền lãi suất vẫn ở mức khi các ngân hàng trung ương trên thế giới chưa có dấu hiệu giảm lãi suất điều hành. Khó khăn là vẫn hiện hữu đối với doanh nghiệp trong năm nay. Đặc biệt là đối với ngành dầu khí, giá dầu đầu vào đang chứng kiến sự tăng trưởng nhanh trong những tháng đầu năm nay. Chính vì vậy, đây là kế hoạch thận trọng mà Ban điều hành đặt ra.

Với sự hỗ trợ của đối tác chiến lược Lemon Gas Co., Ltd cùng nỗ lực của toàn thể CBNV Công ty và sự đồng hành của các đối tác chiến lược, Ban điều hành tin tưởng sẽ hoàn thành và có thể hoàn thành vượt mức KHKD đã đặt ra cho năm 2025.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

RIÊNG LẺ VÀ

HỢP NHẤT



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG
Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc,
Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000462724) ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 21 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 26/09/2024.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 491/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2017 với mã chứng khoán là PMG.

Vốn điều lệ: 463.362.780.000 đồng.
Vốn thực góp đến ngày 31/12/2024: 463.362.780.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Điện thoại: (84) 02353 947 233
- Fax: (84) 02353 947 244
- Website: <http://petrocenter.com.vn/>

Lĩnh vực kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 31 người. Trong đó, bộ phận quản lý là 4 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------------|--------------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tiến Lãng | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Bích Thùy | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Ông Lê Tấn Cẩn | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|-----------------------|------------|--------------------------------|
| • Ông Toshio Tatsunio | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12/10/2022 |
| | | Miễn nhiệm ngày 18/11/2024 (*) |

(*) Việc miễn nhiệm chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Bích | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Lê Thị Hồng Trang | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Trần Thị Quyên | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Bích Thùy | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/10/2020 |
| • Ông Toshio Tatsuno | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 13/10/2022 |
| | | Miễn nhiệm 18/11/2024 |
| • Ông Nguyễn Văn Trung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2022 |
| • Bà Võ Thị Ánh Nguyệt | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30/11/2016 |
| • Bà Nguyễn Thị Linh Thường | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 01/01/2021 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Bích Thùy là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc là Ông Nguyễn Văn Trung phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính này theo Giấy ủy quyền ngày 24/12/2021.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Trung

Quảng Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dong.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 504/2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 26/03/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2024 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2025

[Handwritten signature]

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2025-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		697.229.636.612	564.834.772.450
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		102.984.958.005	25.643.635.061
1. Tiền	111	5	42.984.958.005	25.643.635.061
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	60.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		277.451.084.494	241.001.162.740
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	277.451.084.494	241.001.162.740
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		307.266.062.368	295.783.887.225
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	347.655.121.185	282.393.476.369
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	116.564.047	147.140.209
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	8.232.949.054	61.981.842.565
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(48.738.571.918)	(48.738.571.918)
IV. Hàng tồn kho	140	12	8.633.504.686	903.786.553
1. Hàng tồn kho	141		8.633.504.686	903.786.553
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		894.027.059	1.502.300.871
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	700.520.012	841.254.035
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		123.423.048	590.962.837
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22	70.083.999	70.083.999
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		603.114.224.313	599.991.265.755
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.007.359.192	2.649.059.192
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	2.007.359.192	2.649.059.192
II. Tài sản cố định	220		18.946.491.209	21.315.936.442
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	18.946.491.209	21.315.936.442
- Nguyên giá	222		44.521.911.747	44.397.411.747
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.575.420.538)	(23.081.475.305)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	15	94.083.370.558	94.132.132.810
- Nguyên giá	231		94.327.181.818	94.327.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(243.811.260)	(195.049.008)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		55.000.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		55.000.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		459.073.286.750	452.384.723.487
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	507.055.979.612	507.055.979.612
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16	(47.982.692.862)	(54.671.256.125)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.948.716.604	29.509.413.824
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	993.047.854	1.553.745.074
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	27.955.668.750	27.955.668.750
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.300.343.860.925	1.164.826.038.205

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		682.042.168.237	568.892.651.356
I. Nợ ngắn hạn	310		668.499.521.111	547.670.236.434
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	546.434.963.852	383.023.475.289
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	96.197.585	694.605.424
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	6.249.887.722	11.299.942.832
4. Phải trả người lao động	314		473.581.015	456.060.587
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	163.648.370	30.538.027
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22.a	1.328.952.567	109.493.324.275
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	113.610.000.000	42.530.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		142.290.000	142.290.000
II. Nợ dài hạn	330		13.542.647.126	21.222.414.922
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	22.b	13.542.647.126	21.222.414.922
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		618.301.692.688	595.933.386.849
I. Vốn chủ sở hữu	410		618.301.692.688	595.933.386.849
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	154.938.912.688	132.570.606.849
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		132.570.606.849	124.239.696.024
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.368.305.839	8.330.910.825
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.300.343.860.925	1.164.826.038.205

Quảng Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Mỹ Nương

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Văn Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	26	1.641.531.351.215	1.540.860.489.935
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.641.531.351.215	1.540.860.489.935
4. Giá vốn hàng bán	11	27	1.626.731.236.127	1.505.521.346.245
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		14.800.115.088	35.339.143.690
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	18.934.546.962	28.700.774.834
7. Chi phí tài chính	22	29	(2.711.894.596)	37.982.208.842
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.976.668.667	7.739.125.025
8. Chi phí bán hàng	25	30.a	4.463.004.870	11.317.702.422
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30.b	9.127.360.292	8.624.349.017
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.856.191.484	6.115.658.243
11. Thu nhập khác	31	31	7.039.010.715	7.295.095.289
12. Chi phí khác	32	32	1.281.855.178	2.188.634.001
13. Lợi nhuận khác	40		5.757.155.537	5.106.461.288
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.613.347.021	11.222.119.531
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	6.245.041.182	2.891.208.706
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		22.368.305.839	8.330.910.825

Quảng Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Mỹ Nương

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Văn Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.613.347.021	11.222.119.531
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14,15	2.542.707.485	2.581.371.809
- Các khoản dự phòng	03		(6.688.563.263)	27.149.524.910
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	27	(12.470.983.993)	(14.429.597.959)
- Chi phí lãi vay	06	28	3.976.668.667	7.739.125.025
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		15.973.175.917	34.262.543.316
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.071.828.865)	(36.904.348.109)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.729.718.133)	31.993.110.305
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		44.553.415.815	164.277.047.993
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		701.431.243	93.011.852
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.889.575.077)	(8.184.129.918)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	20	(8.816.033.706)	(4.867.198.292)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(85.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.720.867.194	180.584.537.147
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	14,15	(179.500.000)	(1.493.626.363)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(330.803.244.697)	(241.001.162.740)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		294.353.322.943	156.600.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,28	12.169.877.504	19.090.379.231
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.459.544.250)	(66.804.409.872)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	21	113.610.000.000	1.217.141.234.770
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	21	(42.530.000.000)	(1.339.126.972.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		71.080.000.000	(121.985.737.505)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		77.341.322.944	(8.205.610.230)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,6	25.643.635.061	33.849.245.291
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5,6	102.984.958.005	25.643.635.061

Người lập biểu

Lê Thị Mỹ Nương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT
PETRO
MIỀN TRUNG
T. QUẢNG NAM

Nguyễn Văn Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (Sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000462724) ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 21 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 26/09/2024.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 01 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và các Công ty con sau:

Tên chi nhánh		Địa chỉ	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Bình Định		Thôn Hội Văn - Xã Cát Hiệp - Huyện Phù Cát - Tỉnh Bình Định	
Các Công ty con			
STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	51,00%	Số 1A/8 Đường Châu Văn Lồng, KP Long Diễm, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng,
2	Công ty TNHH Trung Nam	65,00%	Số 8G Khu phố II, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng,
3	Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	51,00%	Lô số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng,
4	Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	51,00%	Khu công nghiệp Nam Đồng Hà, Phường Đồng Lương, Thành phố Đồng Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt

Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị là Công ty con, có 100% vốn góp là của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các công ty con; Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính năm 2024 của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024. Người sử dụng Báo cáo cần đọc Báo cáo tài chính của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8
Tài sản cố định khác	15

4.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	20

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí vô bình, chi phí kiểm định vô bình được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian lần lượt tương ứng là 10 năm và 5 năm;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

• Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

• Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.
- 4.13 Giá vốn hàng bán
- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.
- 4.14 Chi phí tài chính
- Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.
- 4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.
- 4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.
- Trang 15
- CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc,
Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
- 4.17 Công cụ tài chính
- Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.
- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu
- Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.
- 4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng
- Thuế giá trị gia tăng: Mặt hàng khí đốt hóa lỏng LPG thuộc đối tượng chịu thuế suất GTGT là 10%; các mặt hàng khác chịu thuế suất theo quy định hiện hành.

• Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.

• Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.
- 4.19 Các bên liên quan
- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.
- Đơn vị tính: VND
- | 5. Tiền | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---------------------------------|----------------|----------------|
| Tiền mặt | 207.461.557 | 217.720.826 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 42.777.496.448 | 25.425.914.235 |
| Cộng | 42.984.958.005 | 25.643.635.061 |
6. Các khoản tương đương tiền
- | | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--------------------------------------|----------------|------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng | 60.000.000.000 | - |
| Cộng | 60.000.000.000 | - |
- Trang 16

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	277.451.084.494	277.451.084.494	241.001.162.740	241.001.162.740
Cộng	277.451.084.494	277.451.084.494	241.001.162.740	241.001.162.740

Tại thời điểm 31/12/2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

Tất cả các khoản tiền gửi này đang được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay và phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín – CN Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Đà Nẵng.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	60.813.756.870	917.995.612
Công ty CP Gas Miền Trung	236.316.749.926	230.957.103.143
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	48.738.571.918	48.738.571.918
Các đối tượng khác	1.786.042.471	1.779.805.696
Cộng	347.655.121.185	282.393.476.369

Trong đó: Phải thu khách hàng là bên liên quan

Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Gas Miền Trung	236.316.749.926	230.957.103.143
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	60.813.756.870	917.995.612
Cộng	297.130.506.796	231.875.098.755

(*) Tất cả các quyền và lợi ích phát sinh của các khoản phải thu khách hàng tại 31/12/2024 được cầm cố, đảm bảo nợ vay và phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Đầu tư Sản xuất và Cho thuê thiết bị	10.835.209	10.835.209
Công ty Luật TNHH MTV Khởi Minh	90.000.000	90.000.000
Các đối tượng khác	15.728.838	46.305.000
Cộng	116.564.047	147.140.209

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	4.644.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Ký quỹ mở LC)	-	-	58.670.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.588.949.054	-	3.287.842.565	-
Các khoản khác	-	-	24.000.000	-
Cộng	8.232.949.054	-	61.981.842.565	-

b. Dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	2.007.359.192	-	2.649.059.192	-
Cộng	2.007.359.192	-	2.649.059.192	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

a. Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm

	Năm 2024	Năm 2023
Số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu năm	(48.738.571.918)	(48.738.571.918)
Dự phòng trích trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối năm	(48.738.571.918)	(48.738.571.918)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ xấu

	31/12/2024			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Khả năng thu hồi nợ
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	48.738.571.918	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	48.738.571.918	-		

	01/01/2024			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Khả năng thu hồi nợ
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	48.738.571.918	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	48.738.571.918	-		

12. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	602.416.350	-	599.411.767	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	255.417.637	-	-	-
Hàng hóa	7.775.670.699	-	304.374.786	-
Cộng	8.633.504.686	-	903.786.553	-

(*) Toàn bộ hàng tồn kho tại 31/12/2024 được dùng để cầm cố, đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An.

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2024.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí bảo hiểm tài sản	22.345.930	21.236.504
Phí bảo lãnh	573.673.810	605.386.173
Các khoản khác	104.500.272	214.631.358
Cộng	700.520.012	841.254.035

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp (*)	367.285.770	514.200.090
Phí sử dụng hạ tầng khu công nghiệp	202.547.790	283.566.906
Các khoản khác	423.214.294	755.978.078
Cộng	993.047.854	1.553.745.074

(*) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc trong 10 năm, tính đến ngày 30/06/2027, diện tích đất thuê: 11.556 m².

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	15.583.986.659	14.017.691.013	14.326.313.439	426.965.636	42.455.000	44.397.411.747
Mua sắm trong năm	-	124.500.000	-	-	-	124.500.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	15.583.986.659	14.142.191.013	14.326.313.439	426.965.636	42.455.000	44.521.911.747
Khấu hao						
Số đầu năm	7.249.766.394	12.136.276.224	3.348.395.163	304.582.524	42.455.000	23.081.475.305
Khấu hao trong năm	690.465.636	371.520.287	1.400.485.296	31.474.014	-	2.493.945.233
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	7.940.232.030	12.507.796.511	4.748.880.459	336.056.538	42.455.000	25.575.420.538
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	8.334.220.265	1.881.414.789	10.977.918.276	122.383.112	-	21.315.936.442
Số cuối năm	7.643.754.629	1.634.394.502	9.577.432.980	90.909.098	-	18.946.491.209

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố nợ vay tại ngày 31/12/2024 là 250.477.593 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 9.107.660.330 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

15. Bất động sản đầu tư

	Nhà (*)	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	975.245.040	93.351.936.778	94.327.181.818
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	975.245.040	93.351.936.778	94.327.181.818
Khấu hao			
Số đầu năm	195.049.008	-	195.049.008
Khấu hao trong năm	48.762.252	-	48.762.252
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	243.811.260	-	243.811.260
Gía trị còn lại			
Số đầu năm	780.196.032	93.351.936.778	94.132.132.810
Số cuối năm	731.433.780	93.351.936.778	94.083.370.558

(*) Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Tại ngày 31/12/2024, tài sản này đang được cho thuê dài hạn và đã cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Đầu tư vào công ty con

		31/12/2024					01/01/2024	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	TL quyền BQ	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Đang hoạt động	51,00%	51,00%	11.475.000	310.424.781.250	(4.237.462.979)	310.424.781.250	(4.201.372.354)
- Công ty TNHH Trung Nam	Đang hoạt động	65,00%	65,00%	-	9.750.000.000	(1.834.045.610)	9.750.000.000	(3.599.817.552)
- Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Đang hoạt động	51,00%	51,00%	16.690.909	186.881.198.362	(41.911.184.273)	186.881.198.362	(46.870.066.219)
Cộng					507.055.979.612	(47.982.692.862)	507.055.979.612	(54.671.256.125)

Tại thời điểm 31/12/2024, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, giá trị dự phòng các khoản đầu tư được trích lập dựa trên Báo cáo tài chính sau kiểm toán của các Công ty con. Công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2024	01/01/2024
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	27.955.668.750	27.955.668.750
Cộng	27.955.668.750	27.955.668.750

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi nhánh Tổng công ty kinh doanh khí Việt Nam - Công ty CP Kinh doanh Sản Phẩm Khí	499.530.145.007	353.766.927.957
Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam - Chi nhánh Miền Nam	33.856.365.766	16.522.817.642
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	12.286.579.304	12.003.465.707
Các đối tượng khác	761.873.775	730.263.983
Cộng	546.434.963.852	383.023.475.289

Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Trung Nam	Công ty con	-	160.000.000
Công ty CP Thương mại và dịch vụ An Thắng Mai	Chung quản lý chủ chốt	-	14.126.700
Cộng		-	174.126.700

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Petronas Cambodia Co.ltd	50.145.784	-
Các đối tượng khác	46.051.801	694.605.424
Cộng	96.197.585	694.605.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.816.033.706	6.245.041.182	8.816.033.706	-	6.245.041.182
Thuế thu nhập cá nhân	70.083.999	4.962.346	261.044.146	261.159.952	70.083.999	4.846.540
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	11.544.780	11.544.780	-	-
Các loại thuế khác	-	2.478.946.780	836.890.833	3.315.837.613	-	-
Cộng	70.083.999	11.299.942.832	7.354.520.941	12.404.576.051	70.083.999	6.249.887.722

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

21. Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí lãi vay	117.631.617	30.538.027
Chi phí phải trả khác	46.016.753	-
Cộng	163.648.370	30.538.027

22. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	4.380.400	3.352.000
Phải trả về thù lao HĐQT, BKS	1.303.266.667	1.197.600.000
Phải trả khác	21.305.500	108.292.372.275
Cộng	1.328.952.567	109.493.324.275

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.542.647.126	21.222.414.922
Cộng	13.542.647.126	21.222.414.922

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó, Phải trả dài hạn khác là bên liên quan			
	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Gas Miền Trung	Công ty con	1.150.506.908	1.741.302.896
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Công ty con	559.593.167	893.983.187
Cộng		1.710.100.075	2.635.286.083

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An	42.530.000.000	1.244.730.000.000	1.173.650.000.000	113.610.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	136.180.000.000	136.180.000.000	-
Cộng	42.530.000.000	1.380.910.000.000	1.309.830.000.000	113.610.000.000

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	463.362.780.000	124.239.696.024	587.602.476.024
Tăng trong năm	-	8.330.910.825	8.330.910.825
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	463.362.780.000	132.570.606.849	595.933.386.849
Số dư tại 01/01/2024	463.362.780.000	132.570.606.849	595.933.386.849
Tăng trong năm	-	22.368.305.839	22.368.305.839
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	463.362.780.000	154.938.912.688	618.301.692.688

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	463.362.780.000	463.362.780.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	463.362.780.000	463.362.780.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.336.278	46.336.278
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	132.570.606.849	124.239.696.024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	22.368.305.839	8.330.910.825
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	154.938.912.688	132.570.606.849

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26/04/2024 đã quyết định không chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023.

25. Tài sản ngoài bảng

	31/12/2024	01/01/2024
Vỏ bình ga các loại (cái)	25.713	25.713
- Vỏ bình 12 kg	25.317	25.317
- Vỏ bình 45 kg	396	396

Đây là vỏ bình của đối tác (là các Công ty kinh doanh gas) được Công ty nhận về phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Hoạt động kinh doanh ga có đặc điểm là vỏ bình luôn được luân chuyển, xoay vòng giữa kho và các đại lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán hàng hóa	1.632.182.168.233	1.528.690.426.929
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.349.182.982	12.170.063.006
Cộng	1.641.531.351.215	1.540.860.489.935

27. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.618.062.728.810	1.496.606.346.009
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	8.668.507.317	8.915.000.236
Cộng	1.626.731.236.127	1.505.521.346.245

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.470.983.993	14.429.597.959
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	69.042.421	804.198.859
Lãi chậm thanh toán tiền hàng phải thu	6.394.520.548	13.451.828.016
Doanh thu hoạt động tài chính khác		15.150.000
Cộng	18.934.546.962	28.700.774.834

29. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	3.976.668.667	7.739.125.025
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	146.413.020
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(6.688.563.263)	27.149.524.910
Lãi chậm thanh toán	-	2.947.145.887
Cộng	(2.711.894.596)	37.982.208.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	455.534.507	499.884.840
Chi phí sử dụng công cụ, dụng cụ	83.208.077	109.093.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.684.268	5.993.709.442
Phí bảo lãnh, phí Upas, ngân hàng	3.810.163.084	4.697.906.924
Các khoản khác	23.414.934	17.107.364
Cộng	4.463.004.870	11.317.702.422

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí tiền lương nhân viên quản lý	4.471.219.573	3.745.010.739
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.799.431.578	1.753.033.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	781.017.510	821.589.493
Các khoản khác	2.075.691.631	2.304.715.435
Cộng	9.127.360.292	8.624.349.017

31. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Phân bổ tiền nhận ký cược vỏ bình gas	7.038.067.796	7.269.761.565
Các khoản khác	942.919	25.333.724
Cộng	7.039.010.715	7.295.095.289

32. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí tổ chức giải Golf	292.927.500	-
Tiền chậm nộp thuế thuế, phạt VPHC	952.890.833	1.293.981.780
Các khoản khác	36.036.845	894.652.221
Cộng	1.281.855.178	2.188.634.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.613.347.021	11.222.119.531
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	2.611.858.889	3.233.924.001
- Điều chỉnh tăng	2.611.858.889	3.233.924.001
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	2.611.858.889	3.233.924.001
- Điều chỉnh giảm	-	-
+ Thu nhập đã tính thuế năm trước	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	31.225.205.910	14.456.043.532
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.245.041.182	2.891.208.706
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	6.245.041.182	2.891.208.706
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.438.275.944	4.999.863.114
Chi phí nhân công	6.992.154.264	6.077.431.101
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.542.707.485	2.581.371.809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.487.239.615	7.353.378.407
Chi phí khác bằng tiền	6.053.912.808	7.258.733.360
Cộng	22.514.290.116	28.270.777.791

35. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua hàng và thanh toán có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Giá trị hàng hóa chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá vốn hàng bán nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về biến động giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Hiện nay, Công ty đang có rủi ro đối với một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ các đại lý. Biện pháp đã triển khai là giao cho nhân viên thị trường đốc thúc tiến độ thu hồi, các cấp quản lý thường xuyên theo dõi tình hình thu hồi nợ để có chỉ đạo kịp thời.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	546.434.963.852	-	546.434.963.852
Chi phí phải trả	163.648.370	-	163.648.370
Vay và nợ thuê tài chính	113.610.000.000	-	113.610.000.000
Phải trả khác	1.324.572.167	13.542.647.126	14.867.219.293
Cộng	661.533.184.389	13.542.647.126	675.075.831.515
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	383.023.475.289	-	383.023.475.289
Chi phí phải trả	30.538.027	-	30.538.027
Vay và nợ thuê tài chính	42.530.000.000	-	42.530.000.000
Phải trả khác	109.489.972.275	21.222.414.922	130.712.387.197
Cộng	535.073.985.591	21.222.414.922	556.296.400.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty kiểm soát được rủi ro thanh khoản ngắn hạn và tin tưởng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.984.958.005	-	102.984.958.005
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	277.451.084.494	-	277.451.084.494
Phải thu khách hàng	298.916.549.267	-	298.916.549.267
Phải thu khác	8.232.949.054	2.007.359.192	10.240.308.246
Cộng	687.585.540.820	2.007.359.192	689.592.900.012
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.643.635.061	-	25.643.635.061
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	241.001.162.740	-	241.001.162.740
Phải thu khách hàng	233.654.904.451	-	233.654.904.451
Phải thu khác	61.981.842.565	2.649.059.192	64.630.901.757
Cộng	562.281.544.817	2.649.059.192	564.930.604.009

36. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và các hoạt động phụ trợ khác liên quan trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Công ty con
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Công ty con
Công ty TNHH Trung Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	Công ty con
Công ty CP Thương mại và dịch vụ An Thắng Mai	Chung quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Giao dịch trọng yếu phát sinh với bên liên quan trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Bán hàng hóa	674.810.546.208	605.505.613.695
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	960.916.865.019	912.359.153.328
	Phải thu lãi chậm thanh toán	6.394.520.548	13.451.828.016
	Phải trả lãi chậm thanh toán	-	2.947.145.887
Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	Cung cấp dịch vụ	478.801.852	-
Công ty TNHH Trung Nam	Thuê xe	-	220.202.016
Công ty CP Thương mại và dịch vụ An Thắng Mai	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	12.842.455

c. Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

		Năm 2024		Năm 2023	
		Số đã trích	Số thực nhận	Số đã trích	Số thực nhận
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	840.000.000	720.000.000	720.000.000	660.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên HĐQT	240.000.000	240.000.000	240.000.000	180.000.000
Ông Lê Tấn Cẩn	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000	60.000.000	36.000.000
Ông Sato Ryoichi	Thành viên HĐQT	-	-	-	66.500.000
Ông Toshio Tatsuno	Thành viên HĐQT	105.666.667	120.000.000	120.000.000	17.500.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng BKS	21.600.000	21.600.000	21.600.000	21.600.000
Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000
Bà Trần Thị Quyên	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000

d. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2024	Năm 2023
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Tổng Giám đốc	784.650.000	505.100.000
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	457.034.615	379.271.000
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	203.000.000	120.000.000
Ông Toshio Tatsuo	Phó Tổng Giám đốc	352.153.846	364.000.000
Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	493.921.468	471.660.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

e. Tài sản thế chấp cho các khoản vay và phát hành bảo lãnh của Công ty

e.1. Tài sản của Ông Nguyễn Tiến Lăng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty như sau:

e.1.1. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Các Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BE 048254 do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 31/03/2011, thửa đất số 117, tờ bản đồ số: 110, địa chỉ tại 222 Tôn Đức Thắng, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CH 611184 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP Đà Nẵng cấp ngày 16/02/2017, thửa đất số 202, tờ bản đồ số 32, địa chỉ thửa đất: Lô B-13, Khu dân cư Nam sân bay, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số BK 462604, sổ vào sổ cấp GCN CTs 04496 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 23/10/2021. Ngày 18/06/2021 VP đăng ký đất đai huyện Hòa Vang xác nhận chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tiến Lăng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;
 - ✓ GCN số CO 268976, sổ vào sổ cấp GCN CTs 159942 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 25/05/2018. Ngày 13/10/2021 VP đăng ký đất đai quận Cẩm Lệ xác nhận chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tiến Lăng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy (số 61 Trọng Tấn);
 - ✓ GCN số CR 812724, sổ vào sổ cấp GCN CTs 191661 do Sở Tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 29/07/2019 (số 9 Đinh Châu);
 - ✓ GCN số AE 723811 do UBND quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2006, thửa đất số 328, tờ bản đồ số: 41, địa chỉ thửa đất: Tổ 8, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng (Số 391 Núi Thành);
 - ✓ GCN số BE 956301 do UBND TP. Đà Lạt cấp ngày 24/10/2011, thửa đất số 496, tờ bản đồ số 5 (C49 – I - (20a)), địa chỉ thửa đất: 67A Phước Thành (nay là Đan Kia), P. 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
 - ✓ GCN số CS 169561 do UBND TP. Đà Lạt cấp ngày 04/07/2019 GCN, thửa đất số 695, tờ bản đồ số 3 (C49-1-(21a)), địa chỉ thửa đất: Đan Kia, P. 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CK 438882, sổ vào sổ cấp GCN CS003169 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/12/2017, thửa đất số 437/14/1, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông B, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DK 561703, sổ vào sổ cấp GCN VP05842 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai Quảng Nam cấp ngày 05/10/2023, thửa đất số 873, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DK 561704, sổ vào sổ cấp GCN VP05843 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai Quảng Nam cấp ngày 05/10/2023, thửa đất số 874, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CO 083796, sổ vào sổ cấp GCN CSH003758 do UBND thị xã Điện Bàn cấp ngày 10/10/2018, thửa đất số C10-2, tờ bản đồ số QH01, địa chỉ thửa đất: Khu dân cư thôn 1, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

e.1.2. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BT 879950 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/07/2014. Thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: 351 Phan Châu Trinh, P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CK 117620 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 03/08/2017. Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Lô 01, Khu 2C, Khu TĐC Nại Hiên Đông, P. Nại Hiên Đông, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DA 374117 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Lô 12 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DA 374116 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 319, tờ bản đồ số 55, địa chỉ: Lô 13 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DA 379522 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 11/06/2021. Thửa đất số 139, tờ bản đồ số 206, địa chỉ: Lô 01 – B2.2B TĐC Tân Trà, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DG 260682 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 12/09/2022. Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: Tổ 23, P. An Sơn, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CP 875288 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/02/2019. Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Lô số 24B, KDC Thanh Lộc Đán A, đường Nguyễn Đức Trung, P. Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DG 246722 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 11/08/2022. Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 85, địa chỉ: 222A Nguyễn Lương Bằng, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

e.1.3. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BD 879188 do UBND Quận Hải Châu cấp ngày 13/10/2010 tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

e.1.4. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CT 599640 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2020 cho lô đất tại 580-582 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

e.1.5. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số AL 846204, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H01499/Q28.T02 do Ủy ban nhân dân TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 28/02/2008 (366 Trưng Nữ Vương, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam);
 - ✓ GCN số 499067, sổ vào sổ cấp GCN: CS 13407 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/02/2019 (8G Hiệp Thành 17, P. Hiệp Thành, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

e.2. Tài sản của Công ty CP Gas Thời Đại đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay và phát hành bảo lãnh của Công ty như sau:

e.2.1. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số DC 913058, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CTs 225096 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 12/10/2021 (349+351 Nguyễn Hoàng, P.Bình Thuận, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng);
 - ✓ GCN số CO 268792, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CTs 159613 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/05/2018 (334 Mai Chí Thọ, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng);
 - ✓ GCN số BE 827136, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CH 01789 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/05/2018 (948 Nguyễn Lương Bằng, P.Hòa Hiệp Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng);
 - ✓ GCN số DA 380758, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CTs 222980 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/05/2018 (Thanh Huy 1, P.Thanh Khê Đông, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng);

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

39. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.

Người lập biểu


Lê Thị Mỹ Nương

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Trung





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG
Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc,
Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4000462724 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 21 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 26/09/2024.

Công ty niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 491/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2017 với mã chứng khoán là PMG.

Vốn điều lệ: 463.362.780.000 đồng.
Vốn thực góp đến ngày 31/12/2024: 463.362.780.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Điện thoại: (84) 02353 947 233
- Fax: (84) 02353 947 244
- Website: <http://petrocenter.com.vn/>

Lĩnh vực kinh doanh chính

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;

Nhân sự

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022
Ông Lê Tấn Cẩn	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ông Toshio Tatsuno	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/10/2022 Miễn nhiệm ngày 18/11/2024 (*)
--------------------	------------	--

(*) Việc miễn nhiệm chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022
Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022
Bà Trần Thị Quyên	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2020
Ông Toshio Tatsuno	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/10/2022 Miễn nhiệm ngày 18/11/2024
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/11/2016
Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 01/01/2021

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Bích Thùy là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc là Ông Nguyễn Văn Trung phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này theo Giấy ủy quyền ngày 24/12/2021.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trung

Quảng Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 888; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnq.vn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 505/2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 26/03/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Lầu 2, số 132 - 134 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2025-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01-DN/HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		806.532.268.064	750.064.226.895
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		149.697.944.432	76.558.271.807
1. Tiền	111	5	89.697.944.432	75.278.271.807
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	60.000.000.000	1.280.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		277.451.084.494	281.001.162.740
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	277.451.084.494	281.001.162.740
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		309.844.573.110	319.866.517.869
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	346.931.131.822	306.811.134.876
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9.a	43.750.987.877	42.252.769.182
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	2.086.000.000	2.086.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	11.a	24.427.779.952	76.067.940.352
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(107.351.326.541)	(107.351.326.541)
IV. Hàng tồn kho	140		40.095.163.014	32.900.966.655
1. Hàng tồn kho	141	13	40.095.163.014	32.900.966.655
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.443.503.014	39.737.307.824
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	4.912.105.975	4.798.146.253
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.174.073.256	33.584.622.577
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.357.323.783	1.354.538.994
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		966.255.957.815	1.027.756.053.087
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.042.850.626	23.012.083.208
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	9.b	11.053.241.535	11.580.455.935
2. Phải thu dài hạn khác	216	11.b	8.989.609.091	11.431.627.273
II. Tài sản cố định	220		441.318.250.627	471.654.098.786
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	441.318.250.627	471.654.098.786
- Nguyên giá	222		782.672.603.994	769.224.464.619
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(341.354.353.367)	(297.570.365.833)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	-	-
- Nguyên giá	228		2.818.181.818	2.818.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.818.181.818)	(2.818.181.818)
III. Bất động sản đầu tư	230	17	94.083.370.558	94.132.132.810
- Nguyên giá	231		94.327.181.818	94.327.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(243.811.260)	(195.049.008)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.644.265.260	1.759.849.125
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	18	1.644.265.260	1.759.849.125
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		409.167.220.744	437.197.889.158
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	377.704.734.736	404.690.377.578
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	30.265.018.526	30.773.487.994
3. Lợi thế thương mại	269	20	1.197.467.482	1.734.023.586
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.772.788.225.879	1.777.820.279.982

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.103.976.293.390	1.140.491.212.385
I. Nợ ngắn hạn	310		1.034.870.658.607	1.055.267.222.259
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	557.449.988.114	392.646.345.014
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	4.687.853.613	2.525.160.413
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	9.253.316.139	14.192.563.389
4. Phải trả người lao động	314		4.795.388.880	1.917.169.785
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	237.538.961	1.352.358.061
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	25.a	1.678.867.388	109.542.320.085
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26	456.610.000.000	532.933.600.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		157.705.512	157.705.512
II. Nợ dài hạn	330		69.105.634.783	85.223.990.126
1. Phải trả dài hạn khác	337	25.b	59.509.096.211	74.289.738.901
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		9.596.538.572	10.934.251.225
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		668.811.932.489	637.329.067.597
I. Vốn chủ sở hữu	410		668.811.932.489	637.329.067.597
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	27	463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	27	(49.000.567.997)	(73.787.873.970)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(73.787.873.970)	(76.183.207.917)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.787.305.973	2.395.333.947
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	28	254.449.720.486	247.754.161.567
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.772.788.225.879	1.777.820.279.982

Quảng Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Mỹ Nương

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Văn Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	2.055.746.202.576	1.876.724.101.426
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	31.072.246.255	44.479.571.024
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		2.024.673.956.321	1.832.244.530.402
4. Giá vốn hàng bán	11	32	1.728.483.841.133	1.581.739.889.999
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		296.190.115.188	250.504.640.403
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	19.052.898.919	17.284.558.039
7. Chi phí tài chính	22	34	24.268.832.972	41.492.810.286
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.179.392.052	36.627.711.836
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty l.doanh, l.kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	35.a	220.487.203.375	207.480.407.002
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35.b	41.959.875.377	45.203.491.465
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.527.102.383	(26.387.510.311)
12. Thu nhập khác	31	36	20.024.981.676	20.016.914.830
13. Chi phí khác	32	37	8.449.506.424	6.560.693.798
14. Lợi nhuận khác	40		11.575.475.252	13.456.221.032
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.102.577.635	(12.931.289.279)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		9.448.955.928	5.769.404.675
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(829.243.185)	5.338.506.149
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		31.482.864.892	(24.039.200.103)
18.1. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		24.787.305.973	2.395.333.947
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.695.558.919	(26.434.534.050)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	535	52
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	38	535	52

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quảng Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2025



Lê Thị Mỹ Nương

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Văn Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.102.577.635	(12.931.289.279)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT, LTTM	02	15;16;17	45.281.709.073	44.905.947.758
- Các khoản dự phòng	03		-	2.198.576.884
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	33;36	(15.492.861.043)	(14.991.262.191)
- Chi phí lãi vay	06	34	24.179.392.052	36.627.711.836
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		94.070.817.717	55.809.685.008
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		23.402.214.737	(153.787.595.922)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(7.194.196.359)	64.867.060.964
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		44.969.967.442	224.606.239.286
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		27.042.266.985	14.660.595.563
- Tiền lãi vay đã trả	14	34;24	(25.338.646.660)	(35.755.878.668)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.129.084.195)	(7.038.631.546)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(85.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		144.823.339.667	163.275.974.685
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(14.800.493.648)	(9.726.625.371)
2. Tiền thu từ TLý nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		459.851.090	15.000.000
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(345.803.244.697)	(281.001.162.740)
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		349.353.322.943	156.600.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11;33	15.430.497.270	19.352.846.202
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.639.932.958	(114.759.941.909)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	26	1.954.650.000.000	2.795.544.834.770
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	26	(2.030.973.600.000)	(2.848.356.972.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(76.323.600.000)	(52.812.137.505)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		73.139.672.625	(4.296.104.729)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5;6	76.558.271.807	80.854.376.536
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5;6	149.697.944.432	76.558.271.807

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quảng Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2025



Lê Thị Mỹ Nương

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Văn Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4000462724 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 21 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 26/09/2024.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.3 Cấu trúc Công ty

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm Công ty mẹ và 4 Công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty”). Tất cả các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 4 công ty)

> Công ty Cổ phần Dầu khí V - Gas

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1A/8 Đường Châu Văn Lồng, KP Long Diêm, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 225.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

> Công ty Cổ phần Gas Miền Trung

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 327.272.730.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

> Công ty TNHH Trung Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8G khu phố II, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

> Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc, thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	5-15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp để có được quyền sử dụng đất hợp pháp.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Thương hiệu sản phẩm	Hết khấu hao

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Chi phí vô bình, chi phí kiểm định vô bình được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian lần lượt tương ứng là 10 năm và 5 năm;
- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến tạo ra.

4.11 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.14 Vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.21 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

4.22 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.23 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10% đối với khí hóa lỏng LPG. Các hàng hóa, dịch vụ khác chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.

Riêng đối với thu nhập phát sinh từ dự án Kho chứa – Chiết nạp tại Khu công nghiệp Hậu cần Cảng Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (thuộc Công ty CP Gas Miền Trung) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư có doanh thu. Miễn thuế TNDN 4 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2019 là năm đầu tiên Dự án có doanh thu. Từ năm 2019 đến nay, Công ty chưa phát sinh thu nhập chịu thuế từ dự án. Ưu đãi nêu trên áp dụng theo diện dự án đầu tư mới tại địa bàn có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Giấy chứng nhận đầu tư (mã số dự án 333321000130) cấp ngày 10/04/2015 và được điều chỉnh lần thứ nhất vào ngày 16/11/2015.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	5.299.505.277	14.741.577.977
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	84.398.439.155	60.536.693.830
Cộng	89.697.944.432	75.278.271.807

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	60.000.000.000	1.280.000.000
Cộng	60.000.000.000	1.280.000.000

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	277.451.084.494	277.451.084.494	281.001.162.740	281.001.162.740
Cộng	277.451.084.494	277.451.084.494	281.001.162.740	281.001.162.740

Tại thời điểm 31/12/2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị. Tất cả các khoản tiền gửi này đang được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay và phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín – CN Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Đà Nẵng.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	84.045.052.336	84.045.052.336
Các đối tượng khác	262.886.079.486	222.766.082.540
Cộng	346.931.131.822	306.811.134.876

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Trong tổng số các khoản nợ phải thu khách hàng tại 31/12/2024, có 290.403.151.083 đồng là các khoản phải thu khách hàng tại Công ty CP Gas Miền Trung và Công ty và CP Dầu khí V-Gas đã được cầm cố, đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam.

9. Trả trước cho người bán

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Trả trước tiền mua cổ phần (*)	34.738.200.000	34.738.200.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	20.597.727.272	20.597.727.272
- Bà Ngô Thị Sạch	4.349.009.092	4.349.009.092
- Ông Bùi Công Dưỡng	3.672.000.000	3.672.000.000
- Các đối tượng còn lại	6.119.463.636	6.119.463.636
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng AV Design	1.100.000.000	-
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Ô tô Nam Phát	1.425.225.000	1.440.225.000
Công ty CP Gas Phúc Tín (**)	819.177.643	1.622.305.309
Công ty CP Huynhai Nguyễn Gia Phát	1.520.862.000	-
Các đối tượng khác	2.647.523.234	4.452.038.873
Cộng	43.750.987.877	42.252.769.182

(*) Công ty CP Gas Miền Trung (công ty con) đã trả trước 90% tiền mua 99% cổ phần của Công ty CP Thương mại và Dịch vụ An Thắng Mai, Công ty CP Hà Hương Phát và Công ty CP Gas Đại Sự theo các hợp đồng số 01/2023-HĐCNCP, 02/2023-HĐCNCP, 03/2023-HĐCNCP, 04/2023-HĐCNCP, 05/2023-HĐCNCP, 06/2023-HĐCNCP, 07/2023-HĐCNCP, 08/2023-HĐCNCP và 09/2023-HĐCNCP ngày 10/08/2023. Thời gian hoàn tất việc chuyển nhượng cổ phần là quý 1/2024. Ngày 31/3/2024, Gas Miền Trung và các bên chuyển nhượng đã ký các Phụ lục hợp đồng điều chỉnh thời gian hoàn tất chuyển nhượng; phải được thực hiện dứt điểm trong quý 4/2025.

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Gas Phúc Tín (**)	11.053.241.535	11.580.455.935
Cộng	11.053.241.535	11.580.455.935

(**) Là khoản tiền thuê vỏ bình mà Công ty CP Dầu khí V-Gas trả trước cho Công ty CP Gas Phúc Tín theo các hợp đồng thuê vỏ bình có thời hạn 15 năm từ năm 2023. Số tiền trả trước chiếm 60% giá trị hợp đồng và sẽ được trừ dần vào tiền thuê vỏ hàng tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Ông Trần Minh Đạt (*)	2.086.000.000	2.086.000.000
Cộng	2.086.000.000	2.086.000.000

(*) Là khoản tiền Công ty TNHH Trung Nam (Công ty con) cho ông Trần Minh Đạt vay theo hợp đồng số 01/2020/HĐMT-TNAM-TMD ngày 10/03/2020 và Phụ lục Hợp đồng cho mượn tiền số 01-2024/PLHĐGHMT ngày 31/12/2024. Thời hạn trả tiền là 31/12/2025. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo và không tính lãi.

11. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.588.949.054	-	3.572.039.826	-
Ký cược, ký quỹ	1.560.000.000	-	60.283.663.499	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Ký quỹ mở LC)	-	-	58.670.000.000	-
- Công ty CP Gas Phúc Tín (**)	1.560.000.000	-	1.545.818.182	-
- Các đối tượng còn lại	-	-	67.845.317	-
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	771.927.748	(771.927.748)	771.927.748	(771.927.748)
Tạm ứng	8.867.718.580	-	492.066.150	-
Công ty CP Kinh doanh khí Miền Nam - CN Miền Trung (*)	9.437.500.000	-	9.437.500.000	-
Phải thu khác	201.684.570	-	1.510.743.129	-
Cộng	24.427.779.952	(771.927.748)	76.067.940.352	(771.927.748)

(*) Là khoản tiền phải thu Công ty CP Kinh doanh khí Miền Nam – Chi nhánh Miền Trung (gọi tắt là “Kinh doanh khí Miền Nam”) của Công ty CP Gas Miền Trung (Công ty con) từ việc ký quỹ cho 53.981 vỏ bình gas loại 12kg và 1.000 vỏ bình gas loại 45kg của nhãn hiệu PETROVIETNAM GAS theo Hợp đồng tổng đại lý bao tiêu Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) số 11/2019/CNMTr-MIENTRUNG/B2-A ngày 01/04/2019 và các hợp đồng/tài liệu có liên quan. Hợp đồng số 11/2019/CNMTr-MIENTRUNG/B2-A ngày 01/04/2019 có thời hạn từ 01/04/2019 đến 31/03/2021 và không được các bên tiếp tục gia hạn.

Hiện nay, Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Nam đã khởi kiện Công ty để đòi lại số vỏ bình nêu trên. Ngày 09/03/2023, Tòa án Nhân dân Thị xã Điện Bàn đã có phiên sơ thẩm và có Bản án số 03/2023/KDTM-ST về việc “Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu mỏ hóa lỏng”. Ngày 22/08/2023, Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Nam đã phúc thẩm và có Bản án số 06/2023/KDTM-PT. Theo đó, Bản án phúc thẩm buộc Công ty Gas Miền Trung phải trả cho Kinh doanh Khí Miền Nam 53.981 vỏ bình gas loại 12kg và 1.000 vỏ bình gas loại 45kg nhãn hiệu PETROVIETNAM GAS hoặc quy đổi ra trị giá bằng tiền là 28.590.500.000 đồng (nếu không trả được bằng vỏ bình); Sau khi trừ số tiền Công ty đã ký quỹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9.437.500.000 đồng thì Công ty CP Gas Miền Trung còn phải trả cho Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Nam là 19.153.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Công ty CP Gas Miền Trung cho rằng yêu cầu khởi kiện của Kinh doanh khí Miền Nam là không đúng nội dung của hợp đồng và không đúng quy định của pháp luật về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng. Đồng thời, Kinh doanh khí Miền Nam không phải là chủ sở hữu của các vỏ bình nêu trên và không còn được Tổng Công ty Khí Việt Nam cho sử dụng các nhãn hiệu này; Do đó, Công ty CP Gas Miền Trung không thể trả vỏ bình cho Kinh doanh khí Miền Nam. Công ty CP Gas Miền Trung đã gửi văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 08/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ra Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/QĐ-VC2-KDTM đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2023/KDTM-PT, cụ thể:

- Đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2023/KDTM-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm;
- Tạm đình chỉ thi hành Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2023/KDTM-PT ngày 22/08/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam cho đến khi có Quyết định giám đốc thẩm.

Ngày 27/01/2024, Tòa án Nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ra quyết định giám đốc thẩm số 01/2024/KDTM-GĐT chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/QĐ-VC2-KDTM ngày 08/12/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Theo đó, hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2023/KDTM-PT ngày 22/08/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 09/03/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; Đồng thời chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam để xét lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Cho đến thời điểm hiện nay, Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam chưa tiến hành xét xử sơ thẩm lại.

b. Dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	8.989.609.091	-	11.431.627.273	-
- Công ty CP Gas Phúc Tín (**)	8.921.409.091	-	10.444.727.273	-
- Các đối tượng còn lại	68.200.000	-	986.900.000	-
Cộng	8.989.609.091	-	11.431.627.273	-

(**) Ngày 01/04/2019, Công ty CP Dầu khí V-Gas đã ký hợp đồng số 01/HĐTTS với Công ty CP Gas Phúc Tín về việc thuê hệ thống dây chuyền sản xuất vỏ bình gas. Số tiền đặt cọc là 20.000.000.000 đồng và sẽ trừ dần vào tiền thuê tài sản hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

a. Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm

	Năm 2024	Năm 2023
Số dư dự phòng phải thu đầu năm	(107.351.326.541)	(105.152.749.657)
Dự phòng trích trong năm	-	(2.198.576.884)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số dư dự phòng phải thu cuối năm	(107.351.326.541)	(107.351.326.541)

b. Nợ xấu

	31/12/2024			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng	107.351.326.541	-		
- Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	84.045.052.336	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
- Các đối tượng khác	23.306.274.205	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	107.351.326.541	-		
	01/01/2024			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng	107.351.326.541	-		
- Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	84.045.052.336	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
- Các đối tượng khác	23.306.274.205	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	107.351.326.541	-		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.184.432.312	-	8.056.564.828	-
Công cụ, dụng cụ	1.834.970.773	-	1.638.593.676	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.423.968.854	-	-	-
Thành phẩm	318.516.788	-	1.130.069.153	-
Hàng hóa	26.333.274.287	-	22.075.738.998	-
Cộng	40.095.163.014	-	32.900.966.655	-

(*) Trong tổng hàng tồn kho tại 31/12/2024, có 30.077.718.264 đồng giá trị hàng tồn kho tại Công ty CP Gas Miền Trung và Công ty CP Dầu khí V Gas đã được cầm cố, đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam.

14. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.580.558.653	1.744.653.185
Chi phí bảo hiểm	775.794.470	926.005.758
Phí bảo lãnh, upas	573.673.810	729.894.295
Chi phí trả trước khác	1.982.079.042	1.397.593.015
Cộng	4.912.105.975	4.798.146.253

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí kiểm định vô bình	4.823.620.415	5.209.466.374
Chi phí quyền khai thác kinh doanh (i)	7.446.138.922	8.704.641.274
Chi phí vô bình phân bổ	326.797.670.200	352.352.707.414
Chi phí bảo dưỡng vô bình	11.749.163.325	14.316.711.434
Tiền thuê đất (ii)	15.534.987.659	16.096.734.884
Chi phí dài hạn chờ phân bổ khác	11.353.154.215	8.010.116.198
Cộng	377.704.734.736	404.690.377.578

(i) Là chi phí mà Công ty CP Dầu khí V-Gas (Công ty con) phải trả để nhận lại quyền kinh doanh trực tiếp với các đại lý của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lê Thiên Phú tại địa bàn Bà Rịa – Vũng Tàu theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền kinh doanh, quyền quản lý, khai thác khách hàng số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

09/2020/HĐVGASĐX-LTP ngày 25/09/2020. Thời gian phân bổ là 10 năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/09/2022/NQ-VGas ngày 01/09/2022.

(ii) Tiền thuê đất tại ngày 31/12/2024 bao gồm:

Địa điểm	Thời hạn (năm)	Thời gian kết thúc	Diện tích (m ²)	Số tiền
- Lô số 4, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	10	30/06/2027	11.556	367.285.770
- Lô số 6 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	15	31/12/2035	3.150	563.017.466
- Lô số 6 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	25	23/10/2046	980	345.558.780
- KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	50	15/06/2066	48.980	14.259.125.643
Cộng				15.534.987.659

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	130.752.093.771	545.195.614.900	91.079.544.630	849.048.136	1.348.163.182	769.224.464.619
Tăng trong năm	3.187.069.082	264.900.000	11.322.970.021	-	-	14.774.939.103
Thanh lý, nhượng bán	144.577.000	377.075.455	757.527.273	47.620.000	-	1.326.799.728
Số cuối năm	133.794.585.853	545.083.439.445	101.644.987.378	801.428.136	1.348.163.182	782.672.603.994
Khấu hao						
Số đầu năm	36.452.042.107	215.253.210.485	44.462.780.973	440.737.937	961.594.331	297.570.365.833
Khấu hao trong năm	5.706.007.770	30.991.608.943	7.866.591.460	85.632.548	46.549.996	44.696.390.717
Thanh lý, nhượng bán	28.112.196	118.430.221	757.527.273	8.333.493	-	912.403.183
Số cuối năm	42.129.937.681	246.126.389.207	51.571.845.160	518.036.992	1.008.144.327	341.354.353.367
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	94.300.051.664	329.942.404.415	46.616.763.657	408.310.199	386.568.851	471.654.098.786
Số cuối năm	91.664.648.172	298.957.050.238	50.073.142.218	283.391.144	340.018.855	441.318.250.627

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2024 là 261.834.515.492 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 45.345.170.116 đồng.

16. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2024 của Công ty là các nhãn hiệu hàng hóa đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 2.818.181.818 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	93.351.936.778	975.245.040	94.327.181.818
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	93.351.936.778	975.245.040	94.327.181.818
Khấu hao			
Số đầu năm	-	195.049.008	195.049.008
Khấu hao trong năm	-	48.762.252	48.762.252
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	243.811.260	243.811.260
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	93.351.936.778	780.196.032	94.132.132.810
Số cuối năm	93.351.936.778	731.433.780	94.083.370.558

(*) Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Các tài sản này đang được cho thuê dài hạn và đã cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
Hệ thống bồn chứa LPG	983.016.111	983.016.111
Chi phí xây dựng cơ bản khác	661.249.149	776.833.014
Cộng	1.644.265.260	1.759.849.125

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2024	01/01/2024
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	30.265.018.526	30.773.487.994
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.265.018.526	30.773.487.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Lợi thế thương mại

	Năm 2024	Năm 2023
Giá trị đầu năm	1.734.023.586	2.294.811.522
Phân bổ trong năm	536.556.104	560.787.936
Giá trị cuối năm	1.197.467.482	1.734.023.586

21. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP - Công ty kinh doanh Sản phẩm khí	499.530.145.007	353.766.927.957
Các đối tượng khác	57.919.843.107	38.879.417.057
Cộng	557.449.988.114	392.646.345.014

22. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Z-Wovens Việt Nam	1.356.500.000	-
Các đối tượng khác	3.331.353.613	2.525.160.413
Cộng	4.687.853.613	2.525.160.413

23. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	512.820.000	512.820.000	-	-
Thuế GTGT	-	367.819.086	3.852.844.532	3.807.910.465	-	412.753.151
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.284.454.995	11.318.701.537	9.448.955.928	12.129.084.195	1.284.454.995	8.638.573.271
Thuế thu nhập cá nhân	70.083.999	26.665.186	583.761.000	585.748.894	72.868.788	27.462.081
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.359.995.152	1.359.995.152	-	-
Các loại thuế khác	-	2.479.377.580	1.412.834.776	3.717.684.721	-	174.527.631
Cộng	1.354.538.994	14.192.563.389	17.171.211.388	22.113.243.427	1.357.323.783	9.253.316.131

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí lãi vay	188.121.480	1.347.376.088
Các khoản trích trước khác	49.417.481	4.981.973
Cộng	237.538.961	1.352.358.061

25. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn, BHXH	17.324.200	15.053.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Phải trả LC Upas Ngân hàng đã thực hiện thanh toán)	-	108.290.000.000
Thủ lao HDQT, BKS	1.303.266.667	1.197.600.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	358.276.521	39.667.085
Cộng	1.678.867.388	109.542.320.085

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	59.509.096.211	74.289.738.901
Cộng	59.509.096.211	74.289.738.901

26. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An	384.500.000.000	2.595.790.000.000	2.589.180.000.000	391.110.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Nam	31.100.000.000	283.800.000.000	249.400.000.000	65.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	20.000.000.000	156.180.000.000	176.180.000.000	-
- Tokai Corporation	97.333.600.000	-	97.333.600.000	-
Cộng	532.933.600.000	3.085.770.000.000	3.162.093.600.000	456.610.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2023	463.362.780.000	(76.183.207.917)
Tăng trong năm	-	2.395.333.947
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2023	463.362.780.000	(73.787.873.970)
Số dư tại 01/01/2024	463.362.780.000	(73.787.873.970)
Tăng trong năm	-	24.787.305.973
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2024	463.362.780.000	(49.000.567.997)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	463.362.780.000	463.362.780.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	463.362.780.000	463.362.780.000
Cổ tức đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.336.278	46.336.278
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(73.787.873.970)	(76.183.207.917)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	24.787.305.973	2.395.333.947
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	(49.000.567.997)	(73.787.873.970)

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26/04/2024 đã quyết định không chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023.

28. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi ích cổ đông không kiểm soát đầu năm	247.754.161.567	274.188.695.617
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng trong năm	6.695.558.919	(26.434.534.050)
- Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm	6.695.558.919	(26.434.534.050)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm trong năm	-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát cuối năm	254.449.720.486	247.754.161.567

29. Tài sản ngoài bảng

	31/12/2024	01/01/2024
Vỏ bình gas các loại (cái)	55.322	55.322
- Vỏ bình 12 kg	54.322	54.322
- Vỏ bình 45 kg	1.000	1.000

Đây là vỏ bình của đối tác (là các Công ty kinh doanh ga) được Công ty nhận về phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Hoạt động kinh doanh ga có đặc điểm là vỏ bình luôn được luân chuyển, xoay vòng giữa kho và các đại lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán hàng hóa	2.022.630.036.163	1.853.347.681.529
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.106.060.689	21.663.623.952
Doanh thu khác (vô bình gas, van qua sử dụng,...)	3.010.105.724	1.712.795.945
Cộng	2.055.746.202.576	1.876.724.101.426

31. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024	Năm 2023
Chiết khấu thương mại	31.072.246.255	44.479.571.024
Cộng	31.072.246.255	44.479.571.024

32. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn bán hàng hóa	1.702.762.752.553	1.565.328.723.491
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	25.495.422.257	16.149.924.191
Giá vốn của hoạt động khác (vô bình gas, van qua sử dụng)	225.666.323	261.242.317
Cộng	1.728.483.841.133	1.581.739.889.999

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.447.406.498	14.976.262.191
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	3.605.492.421	806.832.259
Lãi chậm thanh toán	-	1.486.312.329
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	15.151.260
Cộng	19.052.898.919	17.284.558.039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	24.179.392.052	36.627.711.836
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	89.440.920	669.839.110
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	4.099.565.340
Chi phí tài chính khác	-	95.694.000
Cộng	24.268.832.972	41.492.810.286

35. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên bán hàng	33.415.610.464	29.260.106.497
Chi phí vô bình phân bổ, thương hiệu	89.186.908.562	83.079.643.940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.366.277.346	34.509.200.937
Chi phí phí phân bổ công cụ dụng cụ	22.996.969.463	23.028.204.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.016.674.975	13.133.271.937
Các khoản khác	30.504.762.565	24.469.978.881
Cộng	220.487.203.375	207.480.407.002

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, công cụ, dụng cụ	2.161.230.356	2.645.069.831
Chi phí nhân viên quản lý	22.862.343.374	22.436.700.027
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.145.442.094	6.194.497.177
Chi phí dự phòng	-	2.198.576.884
Phân bổ lợi thế thương mại	536.556.104	560.787.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.180.300.548	3.322.937.978
Các khoản khác	7.074.002.901	7.844.921.632
Cộng	41.959.875.377	45.203.491.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	45.454.545	-
Phân bổ tiền nhận ký cược vỏ bình gas	19.945.261.998	19.968.348.355
Các khoản thu nhập khác	34.265.133	48.566.475
Cộng	20.024.981.676	20.016.914.830

37. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí hoàn cược vỏ	2.540.768.865	-
Phân bổ tiền đặt cược vỏ bình gas không được hoàn	2.707.249.046	3.793.198.456
Tiền chậm nộp thuế thuế, phạt VPHC	1.661.428.742	1.293.981.780
Xử lý công nợ	-	461.778.714
Chi phí khác	1.540.059.771	1.011.734.848
Cộng	8.449.506.424	6.560.693.798

38. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.787.305.973	2.395.333.947
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.787.305.973	2.395.333.947
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	46.336.278	46.336.278
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	535	52

39. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.919.275.520	13.137.702.781
Chi phí nhân công	59.752.360.645	56.496.093.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.281.709.073	44.905.947.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.176.508.140	114.538.222.796
Chi phí khác bằng tiền	60.982.454.944	48.318.969.459
Cộng	304.112.308.322	277.396.935.926

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

40. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, cụ thể:

- ❖ Khu vực Miền Trung: Gồm Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Gas Miền Trung và Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị.
- ❖ Khu vực Miền Nam: Gồm Công ty Cổ phần Dầu khí V – Gas và Công ty TNHH Trung Nam.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc,

Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

BC bộ phận theo khu vực địa lý	Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng toàn Công ty	
	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bộ phận	1.219.204.740.262	1.150.212.420.101	836.541.462.314	726.511.681.325	2.055.746.202.576	1.876.724.101.426
Các khoản giảm trừ doanh thu	12.865.200.708	19.482.024.415	18.207.045.547	24.997.546.609	31.072.246.255	44.479.571.024
Giá vốn hàng bán bộ phận	1.014.665.050.089	985.821.485.369	713.818.791.044	595.918.404.630	1.728.483.841.133	1.581.739.889.999
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	191.674.489.465	144.908.910.317	104.515.625.723	105.595.730.086	296.190.115.188	250.504.640.403
Doanh thu hoạt động tài chính	15.285.347.221	16.884.652.171	3.767.551.698	399.905.868	19.052.898.919	17.284.558.039
Chi phí hoạt động tài chính	17.665.899.569	31.176.620.639	6.602.933.403	10.316.189.647	24.268.832.972	41.492.810.286
- Chi phí lãi vay	17.620.749.569	28.661.597.529	6.558.642.483	7.966.114.307	24.179.392.052	36.627.711.836
- Chi phí tài chính khác	45.150.000	2.515.023.110	44.290.920	2.350.075.340	89.440.920	4.865.098.450
Chi phí bán hàng	132.903.477.182	128.454.904.522	87.583.726.193	79.025.502.480	220.487.203.375	207.480.407.002
Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.236.373.265	29.871.121.439	12.723.502.112	15.332.370.026	41.959.875.377	45.203.491.465
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	27.154.086.670	(27.709.084.112)	1.373.015.713	1.321.573.801	28.527.102.383	(26.387.510.311)
Thu nhập khác	9.667.276.939	9.538.693.592	10.357.704.737	10.478.221.238	20.024.981.676	20.016.914.830
Chi phí khác	2.603.091.842	2.747.478.553	5.846.414.582	3.813.215.245	8.449.506.424	6.560.693.798
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	7.064.185.097	6.791.215.039	4.511.290.155	6.665.005.993	11.575.475.252	13.456.221.032
Lợi nhuận trước thuế	34.218.271.767	(20.917.869.073)	5.884.305.868	7.986.579.794	40.102.577.635	(12.931.289.279)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.328.783.637	3.025.462.523	2.120.172.291	2.743.942.152	9.448.955.928	5.769.404.675
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(932.552.581)	5.445.678.479	103.309.396	(107.172.330)	(829.243.185)	5.338.506.149
Lợi nhuận sau thuế TNDN	27.822.040.711	(29.389.010.075)	3.660.824.181	5.349.809.972	31.482.864.892	(24.039.200.103)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

41. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty có khoản nợ phải thu khách hàng, khoản vay bằng ngoại tệ; Do đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về tỷ giá ở mức kiểm soát được. Công ty quản lý rủi ro này thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất của Công ty ở mức có thể kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Giá mua hàng hóa chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá vốn hàng bán nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về biến động giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Hiện nay, Công ty đang có rủi ro đối với một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ các đại lý. Các biện pháp đã triển khai là giao cho nhân viên thị trường đốc thúc đòi nợ, các cấp quản lý thường xuyên theo dõi tình hình thu hồi nợ để đánh giá kịp thời về các rủi ro tổn thất.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND Tổng
Phải trả người bán	557.449.988.114	-	557.449.988.114
Chi phí phải trả	237.538.961	-	237.538.961
Vay và nợ thuê tài chính	456.610.000.000	-	456.610.000.000
Phải trả khác	1.661.543.188	59.509.096.211	61.170.639.399
Cộng	1.015.959.070.263	59.509.096.211	1.075.468.166.474
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	392.646.345.014	-	392.646.345.014
Chi phí phải trả	1.352.358.061	-	1.352.358.061
Vay và nợ thuê tài chính	532.933.600.000	-	532.933.600.000
Phải trả khác	109.527.267.085	74.289.738.901	183.817.005.986
Cộng	1.036.459.570.160	74.289.738.901	1.110.749.309.061

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn nhưng tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.697.944.432	-	149.697.944.432
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	277.451.084.494	-	277.451.084.494
Phải thu khách hàng	240.351.733.029	-	240.351.733.029
Phải thu về cho vay	2.086.000.000	-	2.086.000.000
Phải thu khác	14.788.133.624	8.989.609.091	23.777.742.715
Cộng	684.374.895.579	8.989.609.091	693.364.504.670
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.558.271.807	-	76.558.271.807
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	281.001.162.740	-	281.001.162.740
Phải thu khách hàng	200.231.736.083	-	200.231.736.083
Phải thu về cho vay	2.086.000.000	-	2.086.000.000
Phải thu khác	74.803.946.454	11.431.627.273	86.235.573.727
Cộng	634.681.117.084	11.431.627.273	646.112.744.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

42. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty CP Gas Mai Hân Phát	Chung quản lý chủ chốt
Công ty CP Gas Hà Kiều	Chung quản lý chủ chốt
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ An Thắng Mai	Chung quản lý chủ chốt

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

	Giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
Công ty CP Gas Mai Hân Phát	Bán hàng hóa, dịch vụ	4.667.571.651	3.571.417.760
	Mua hàng hóa, dịch vụ	41.444.541	-
Công ty CP Gas Hà Kiều	Bán hàng hóa, dịch vụ	18.140.795.531	23.780.649.135
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ An Thắng Mai	Bán hàng hóa, dịch vụ	7.480.560.000	9.854.400.573
	Mua hàng hóa, dịch vụ	854.474.004	1.145.173.371

c. Số dư với các bên liên quan

	Khoản mục	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Gas Mai Hân Phát	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	134.216.117
	Phải trả người bán ngắn hạn	5.677.000	-
Công ty CP Gas Hà Kiều	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.147.789.375	6.823.984.310
	Ký quỹ, ký cược dài hạn	457.233.377	520.683.365
Công ty CP Thương mại và dịch vụ An Thắng Mai	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.535.154.713	4.268.783.517
	Phải trả người bán ngắn hạn	3.606.700	305.744.700
	Ký quỹ, ký cược dài hạn	174.614.179	200.684.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

		Năm 2024		Năm 2023	
		Số đã trích	Số thực nhận	Số đã trích	Số thực nhận
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	840.000.000	720.000.000	720.000.000	660.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên HĐQT	240.000.000	240.000.000	240.000.000	180.000.000
Ông Lê Tấn Cần	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000	60.000.000	36.000.000
Ông Sato Ryoichi	Thành viên HĐQT	-	-	-	66.500.000
Ông Toshio Tatsuno	Thành viên HĐQT	105.666.667	120.000.000	120.000.000	17.500.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng BKS	21.600.000	21.600.000	21.600.000	21.600.000
Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000
Bà Trần Thị Quyền	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000

e. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2024	Năm 2023
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc	784.650.000	505.100.000
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	457.034.615	379.271.000
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	203.000.000	120.000.000
Ông Toshio Tatsuno	Phó Tổng Giám đốc	352.153.846	364.000.000
Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	493.921.468	471.660.000

f. Tài sản thế chấp cho các khoản vay tại Công ty

f.1. Tài sản của Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thùy đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay và phát hành bảo lãnh tại Công ty như sau:

f.1.1. Tại Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

❖ Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

- Các Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BE 048254 do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 31/03/2011, thửa đất số 117, tờ bản đồ số: 110, địa chỉ tại 222 Tôn Đức Thắng, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CH 611184 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP Đà Nẵng cấp ngày 16/02/2017, thửa đất số 202, tờ bản đồ số 32, địa chỉ thửa đất: Lô B-13, Khu dân cư Nam sân bay, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số BK 462604, sổ vào sổ cấp GCN CTs 04496 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 23/10/2021. Ngày 18/06/2021 VP đăng ký đất đai huyện Hòa Vang xác nhận chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thùy;
 - ✓ GCN số CO 268976, sổ vào sổ cấp GCN CTs 159942 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 25/05/2018. Ngày 13/10/2021 VP đăng ký đất đai quận Cẩm Lệ xác nhận chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thùy (số 61 Trọng Tấn, P. Hòa Phát, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng);
 - ✓ GCN số CR 812724, sổ vào sổ cấp GCN CTs 191661 do Sở Tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 29/07/2019 (số 9 Đình Châu P. Hòa Thọ Đông, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ GCN số AE 723811 do UBND quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2006, thửa đất số 328, tờ bản đồ số: 41, địa chỉ thửa đất: Tổ 8, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng (Số 391 Núi Thành);
- ✓ GCN số BE 956301 do UBND TP. Đà Lạt cấp ngày 24/10/2011, thửa đất số 496, tờ bản đồ số 5 (C49 – I - (20a)), địa chỉ thửa đất: 67A Phước Thành (nay là ĐanKia), P. 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- ✓ GCN số CS 169561 do UBND TP. Đà Lạt cấp ngày 04/07/2019GCN, thửa đất số 695, tờ bản đồ số 3 (C49-I-(21a)), địa chỉ thửa đất: Đan Kia, P. 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CK 438882, sổ vào sổ cấp GCN CS003169 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/12/2017, thửa đất số 437/14/1, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông B, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DK 561703, sổ vào sổ cấp GCN VP05842 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai Quảng Nam cấp ngày 05/10/2023, thửa đất số 873, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DK 561704, sổ vào sổ cấp GCN VP05843 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai Quảng Nam cấp ngày 05/10/2023, thửa đất số 874, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
 - ✓ GCN số CO 083796, sổ vào sổ cấp GCN CSH003758 do UBND thị xã Điện Bàn cấp ngày 10/10/2018, thửa đất số C10-2, tờ bản đồ số QH01, địa chỉ thửa đất: Khu dân cư thôn 1, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.

❖ **Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng**

- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BT 879950 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/07/2014. Thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: 351 Phan Châu Trinh, P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CK 117620 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 03/08/2017. Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Lô 01, Khu 2C, Khu TĐC Nại Hiên Đông, P. Nại Hiên Đông, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DA 374117 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Lô 12 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DA 374116 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 319, tờ bản đồ số 55, địa chỉ: Lô 13 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DA 379522 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 11/06/2021. Thửa đất số 139, tờ bản đồ số 206, địa chỉ: Lô 01 – B2.2B TĐC Tân Trà, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DG 260682 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 12/09/2022. Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: Tổ 23, P. An Sơn, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.
 - ✓ GCN số CP 875288 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/02/2019. Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Lô số 24B, KDC Thanh Lộc Đán A, đường Nguyễn Đức Trung, P. Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DG 246722 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 11/08/2022. Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 85, địa chỉ: 222A Nguyễn Lương Bằng, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đà Nẵng.

❖ **Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng**

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BD 879188 do UBND Quận Hải Châu cấp ngày 13/10/2010 tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

❖ **Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An**

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CT 599640 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2020 tại 580-582 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

❖ **Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng**

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số AL 846204, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H01499/Q28.T02 do Ủy ban nhân dân TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 28/02/2008 (366 Trưng Nữ Vương, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam);
 - ✓ GCN số 499067, sổ vào sổ cấp GCN: CS 13407 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/02/2019 (8G Hiệp Thành 17, P. Hiệp Thành, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh).

f.1.2. Tại Công ty CP Gas Miền Trung❖ **Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam**

- Các Quyền sử dụng đất sau:
 - ✓ GCN số BC 702599 do UBND Q. Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng cấp ngày 28/01/2011. Thửa đất số 140, tờ bản đồ số: 45, địa chỉ tại Lô 14-B2.12 ĐTM Nam Cầu Tuyên Sơn, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số BC 771976 do UBND Q. Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng cấp ngày 28/01/2011. Thửa đất số 141, tờ bản đồ số: 45, địa chỉ tại Lô 15-B2.12 ĐTM Nam Cầu Tuyên Sơn, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số Đ 487444 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 17/05/2004. Thửa đất số 430, tờ bản đồ số: KT01/1, địa chỉ tại P. Hòa Cường, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CC 884440, sổ vào sổ cấp GCN: CS 002571 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/07/2016. Thửa đất số 483/1, tờ bản đồ số: 07, địa chỉ tại Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 3401020539 do UBND Tp. Đà Nẵng cấp ngày 13/12/2000. Thửa đất số 379, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: 57 Đoàn Thị Điểm, P. Hải Châu II, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số AD 337778 do UBND Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng cấp ngày 29/11/2005. Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Lô 12 Khu Mã Tây, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

❖ **Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An**

- Các Quyền sử dụng đất sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ GCN số V 699445 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 16/01/2003, tại thửa đất số 468(22), tờ bản đồ số 7, địa chỉ: P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
- ✓ GCN số V 699446 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 16/01/2003, tại thửa đất số 468(23), tờ bản đồ số 7, địa chỉ: P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
- ✓ GCN số Đ 031209 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 30/12/2003, tại thửa đất số 738, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
- ✓ GCN số BE 104581 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 26/07/2011, tại thửa đất số 259/3, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Viêm Trung, P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
- ✓ GCN số CH361824 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017 tại thửa đất số 491/10, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
- ✓ GCN số CH361825 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017 tại thửa đất số 491/11, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
- ✓ GCN số CH361826 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017 tại thửa đất số 491/12, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam.
- ✓ GCN số Đ 903722 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) tại thửa đất số 491/6, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
- ✓ GCN số Đ 903721 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) tại thửa đất số 491/7, tờ bản đồ số 07, Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam.
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số Đ 031326 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 18/03/2004, tại thửa đất số 17(1), tờ bản đồ số 8, địa chỉ: P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số Đ 031327 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 18/03/2004, tại thửa đất số 18(2), tờ bản đồ số 8, địa chỉ: P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số AP 273957 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 04/07/2009, tại thửa đất số 18(3), tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Ngọc Vinh, P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CĐ 771978 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/08/2016 tại thửa đất số 208, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 347 Phan Châu Trinh, P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số BI 185048 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/10/2012 tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 164, địa chỉ: 71 Nam Cao, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số AD 290457 do Chủ tịch UBND quận Hải Châu cấp ngày 26/08/2005 tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: 53 Đoàn Thị Điểm, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số D 013732 do do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 03/08/2021 tại thửa đất số 53 tờ bản đồ số 38, địa chỉ: Khu dân cư đường Phan Bội Châu, P. Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ, T. Quảng Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Xe ô tô:
 - ✓ Xe ô tô con hiệu Toyota, biển kiểm soát 52X-9432;
 - ✓ Xe ô tô con hiệu Mercedes, biển kiểm soát số 56P-2383;
 - ✓ Xe ô tô con hiệu BMW, biển kiểm soát số 50Z-3667.

f.1.3. Tại Công ty CP Dầu khí V-Gas**♦ Thẻ chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam**

- Các Quyền sử dụng đất sau:
 - ✓ GCN số DK 412160 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam cấp ngày 23/05/2023, tại thửa đất số 866, tờ bản đồ số 7, khu tái định cư thôn 1, P.Điện Dương, TX Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DK 412161 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam cấp ngày 23/05/2023, tại thửa đất số 867, tờ bản đồ số 7, khu tái định cư thôn 1, P.Điện Dương, TX Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CC884441 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/07/2016, tại thửa đất số 483, tờ bản đồ số 07, KP Hà My Đông A, P. Điện Dương, TX. Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CH 361823 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017, tại thửa đất số 491/9, tờ bản đồ số 07, KP Hà My Đông A, P. Điện Dương, TX. Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

f.2. Tài sản của Công ty CP Gas Thời Đại đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay và phát hành bảo lãnh của Công ty như tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số DC 913058, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CTs 225096 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 12/10/2021 (349+351 Nguyễn Hoàng, P.Bình Thuận, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng);
 - ✓ GCN số CO 268792, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CTs 159613 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/05/2018 (334 Mai Chí Thọ, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng);
 - ✓ GCN số BE 827136, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CH 01789 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/05/2018 (948 Nguyễn Lương Bằng, P.Hòa Hiệp Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng);
 - ✓ GCN số DA 380758, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CTs 222980 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/05/2018 (Thanh Huy 1, P.Thanh Khê Đông, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng);

43. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

44. Số liệu so sánh

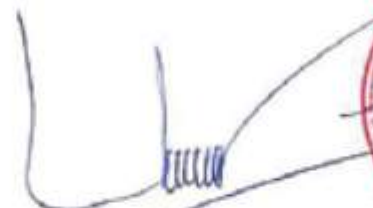
Là số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.

Quảng Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Lê Thị Mỹ Nương

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Văn Trung